

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN CẢNG CẦN THƠ



CẦN THƠ, THÁNG 11/2014



MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CẦN THƠ..... | 6 |
| 1.- Cơ sở pháp lý của việc cổ phần hóa..... | 6 |
| 2.- Ban Chỉ đạo cổ phần hóa..... | 7 |
| 3.- Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa | 9 |
| 4.- Đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa..... | 10 |
| 5.- Đơn vị tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa..... | 10 |
| PHẦN II. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG CẦN THƠ Ở THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP | 11 |
| 1.- Thông tin cơ bản | 11 |
| 2.- Cơ sở pháp lý của việc thành lập | 11 |
| 3.- Lịch sử hình thành và phát triển | 11 |
| 3.1.- Về Cảng Cần Thơ (Cảng Hoàng Diệu)..... | 11 |
| 3.2.- Về Cảng Cái Cui..... | 12 |
| 3.3.- Sáp nhập..... | 12 |
| 4.- Thành tích đạt được..... | 12 |
| 5.- Ngành nghề kinh doanh..... | 13 |
| 6.- Cơ cấu lao động | 14 |
| 7.- Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ..... | 16 |
| 8.- Thông tin về các đơn vị trực thuộc | 19 |
| 9.- Vị thế Công ty trong ngành | 20 |
| 10.- Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ trước cổ phần hóa | 22 |
| 10.1.- Năng lực cầu bến, kho bãi..... | 22 |
| 10.2.- Lĩnh vực kinh doanh..... | 24 |
| 10.2.1.- Hoạt động bốc xếp, vận tải..... | 25 |
| 10.2.2.- Dịch vụ lưu kho bãi..... | 26 |
| 10.2.3.- Hoạt động cung ứng xăng dầu..... | 26 |
| 10.2.4.- Hoạt động kinh doanh khác..... | 26 |
| 10.3.- Sản lượng khai thác qua các năm trước cổ phần hóa | 27 |
| 10.4.- Nguyên, nhiên vật liệu và chi phí đầu vào | 27 |
| 10.5.- Trình độ công nghệ..... | 28 |
| 10.6.- Nghiên cứu và phát triển..... | 32 |



| | |
|---|-----------|
| 10.7.- Hệ thống quản lý chất lượng | 32 |
| 10.8.- Hoạt động Marketing | 32 |
| 10.8.1.- Các hình thức quảng cáo: | 33 |
| 10.8.2.- Các chính sách marketing của Công ty: | 33 |
| 10.9.- Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền..... | 34 |
| 10.10.- Các hợp đồng lớn đang được thực hiện..... | 34 |
| 10.11.- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ..... | 36 |
| 10.11.1.- Cơ cấu doanh thu..... | 36 |
| 10.11.2.- Cơ cấu giá vốn – chi phí..... | 37 |
| 10.11.3.- Hoạt động đầu tư phát triển | 37 |
| 10.12.- Cơ cấu tài sản, nguồn vốn..... | 38 |
| PHẦN III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP..... | 39 |
| PHẦN IV. HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA, VỐN ĐIỀU LỆ, CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ, GIÁ KHỞI ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH CỔ PHẦN..... | 41 |
| 1.- Mục tiêu cổ phần hóa | 41 |
| 2.- Yêu cầu cổ phần hóa | 41 |
| 3.- Hình thức cổ phần hóa..... | 41 |
| 4.- Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ | 42 |
| 5.- Phương thức phát hành cổ phần và giá khởi điểm..... | 42 |
| 5.1.- Đối với cổ phần bán cho người lao động..... | 42 |
| 5.2.- Đối với cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược | 43 |
| 5.3.- Đối với cổ phần thực hiện đấu giá công khai | 45 |
| 6.- Xử lý số lượng cổ phần không bán hết | 45 |
| 7.- Kế hoạch sử dụng tiền thu từ đợt phát hành cổ phần..... | 46 |
| 7.1.- Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần | 46 |
| 7.2.- Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành..... | 46 |
| 8.- Chi phí cổ phần hóa dự kiến | 47 |
| PHẦN V. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ | 48 |
| PHẦN VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG..... | 48 |
| 1.- Kế hoạch sắp xếp lao động..... | 48 |
| 2.- Kế hoạch xử lý lao động..... | 48 |
| 3.- Kế hoạch tuyển dụng..... | 48 |



| | |
|---|----|
| PHẦN VII. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT..... | 49 |
| 1.- Tình hình sử dụng đất tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp..... | 49 |
| 2.- Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa | 50 |
| PHẦN VIII. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 4 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA..... | 53 |
| 1.- Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa..... | 53 |
| 1.1.- Thông tin doanh nghiệp | 53 |
| 1.2.- Hình thức pháp lý | 53 |
| 1.3.- Ngành nghề kinh doanh | 53 |
| 1.3.1.- Ngành nghề kinh doanh chính gồm:..... | 53 |
| 1.3.2.- Ngành nghề kinh doanh liên quan:..... | 53 |
| 1.3.3.- Các ngành nghề kinh doanh khác được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. 54 | |
| 1.3.4.- Các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật. | 54 |
| 1.4.- Cơ cấu tổ chức sau cổ phần hóa | 54 |
| 2.- Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa | 55 |
| 2.1.- Tình hình vĩ mô | 55 |
| 2.2.- Triển vọng phát triển của ngành | 56 |
| 2.3.- Thuận lợi | 56 |
| 2.4.- Khó khăn..... | 58 |
| 2.5.- Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và các giải pháp thực hiện 59 | |
| 2.5.1.- Kế hoạch sản xuất kinh doanh 4 năm sau cổ phần hóa..... | 59 |
| 2.5.2.- Cơ sở thực hiện kế hoạch kinh doanh..... | 60 |
| 2.5.3.- Các giải pháp thực hiện | 62 |
| 2.5.3.1.- Giải pháp về sản xuất kinh doanh | 62 |
| 2.5.3.2.- Giải pháp về đầu tư..... | 62 |
| 2.5.3.4.- Giải pháp phát triển nguồn nhân lực..... | 63 |
| 2.5.3.5.- Giải pháp tài chính | 64 |
| 2.5.3.6.- Giải pháp Marketing..... | 64 |
| 2.5.3.7.- Giải pháp về công nghệ..... | 64 |
| PHẦN IX. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ..... | 65 |



DANH MỤC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

| | | |
|-----------------------|---|---|
| BCTC | : | Báo cáo tài chính |
| Ban chỉ đạo/BCĐ | : | Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Cần Thơ |
| Bộ GTVT | : | Bộ Giao thông Vận tải |
| CBCNV | : | Cán bộ công nhân viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Cần Thơ |
| CTCP | : | Công ty cổ phần |
| CP | : | Cổ phần |
| CPH | : | Cổ phần hóa |
| CSH | : | Chủ sở hữu |
| CNĐKKD | : | Chứng nhận đăng ký kinh doanh |
| CNQSDĐ | : | Chứng nhận quyền sử dụng đất |
| HĐTV | : | Hội đồng thành viên |
| IPO | : | Đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng |
| TNHH | : | Trách nhiệm hữu hạn |
| MTV | : | Một thành viên |
| UBND | : | Ủy ban nhân dân |
| SHS | : | Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội |
| Công ty/ Cảng Cần Thơ | : | Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Cần Thơ |



PHẦN I: CĂN CỨ PHÁP LÝ CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CẦN THƠ

1.- Cơ sở pháp lý của việc cổ phần hóa

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi công ty cổ phần;
- Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015;
- Công văn số 2342/TTg-ĐMDN ngày 21/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án Tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015;
- Nghị quyết số 749/NQ-HHVN ngày 19/3/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về kế hoạch thực hiện cổ phần hóa Tổng công ty Hàng hải Việt Nam;



- Nghị quyết số 1310/NQ-HHVN ngày 24/4/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt Kế hoạch tiến độ cổ phần hóa Cảng Cần Thơ;
- Nghị quyết số 2550/NQ-HHVN ngày 17/7/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc lựa chọn tổ chức tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ;
- Nghị quyết số 3218/NQ-HHVN ngày 12/9/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ;
- Nghị quyết số 3881/NQ-HHVN ngày 07/11/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc điều chỉnh tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ;
- Quyết định số 76/QĐ-HHVN ngày 25/3/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ;
- Quyết định số 120/QĐ-HHVN ngày 08/4/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ;
- Quyết định số 100/QĐ-HHVN ngày 28/3/2014 của Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ;
- Quyết định số 477/QĐ-HHVN ngày 04/9/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ;
- Quyết định số 574/QĐ-HHVN ngày 09/10/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ;
- Hợp đồng Dịch vụ tư vấn lập phương án cổ phần hóa số 04/2014/HĐTVTC/SHS.SH.TV ngày 08/7/2014 giữa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ và Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội;
- Biên bản và Nghị quyết Hội nghị người lao động bất thường thông qua Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ ngày 04/10/2014 và Hội nghị người lao động bất thường (lần 2) ngày 10/11/2014.

2.- Ban Chỉ đạo cổ phần hóa

Ban Chỉ đạo cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 76/QĐ-HHVN ngày 25/03/2014 và Quyết định bổ sung thành



viên số 120/QĐ-HHVN ngày 08/04/2014 của của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam gồm các thành viên sau:

| TT | Họ và tên | Chức danh |
|----|-----------------------|--|
| 1 | Ông Nguyễn Đình Thanh | Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Trưởng ban |
| 2 | Ông Lê Phan Linh | Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Phó Trưởng ban thường trực |
| 3 | Ông Nguyễn Đình Chung | Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Phó Trưởng ban |
| 4 | Ông Lâm Tiến Dũng | Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Phó Trưởng ban |
| 5 | Ông Phan Thành Tiến | Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công TNHH MTV Cảng Cần Thơ - Ủy viên |
| 6 | Bà Đỗ Bích Ngọc | Phó Trưởng Ban Pháp chế Thanh tra Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ủy viên |
| 7 | Bà Phạm Quỳnh Anh | Phó Trưởng Ban Tài chính và Quản lý vốn góp Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên thường trực |
| 8 | Ông Trần Quý Thi | Phó Trưởng Ban Kế hoạch Đầu tư Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ủy viên |
| 9 | Ông Nguyễn Quang Dũng | Phó Trưởng Ban Đổi mới doanh nghiệp Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ủy viên |
| 10 | Ông Nguyễn Văn Chung | Phó Trưởng Ban Tổ chức Tiền lương Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên |
| 11 | Ông Hoàng Việt | Phó Trưởng Ban Kế toán Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Ủy viên |
| 12 | Ông Lê Duy Dương | Phó Trưởng Ban Tài chính và Quản lý vốn góp Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên - Thư ký |
| 13 | Ông Đỗ Tuấn Nam | Cán bộ, Ban Kiểm toán nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên |
| 14 | Ông Hoàng Quốc Phương | Cán bộ, Ban Quản lý Cảng biển Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên |
| 15 | Ông Đỗ Thanh Sơn | Phó Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ Tổng công ty Hàng hải Việt Nam – Ủy viên |



3.- Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa

Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa được thành lập theo Quyết định số 100/QĐ-HHVN ngày 28/03/2014 của Tổng giám đốc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam gồm các thành viên sau:

| TT | Họ và tên | Chức danh |
|----|----------------------|---|
| 1 | Ông Lâm Tiến Dũng | Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Tổ trưởng |
| 2 | Ông Phan Thành Tiến | Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Tổ phó thường trực |
| 3 | Ông Tô Nhất Thống | Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Tổ phó: Đã nghỉ hưu từ 01/7/2014 theo Quyết định số 48/QĐ-CCT ngày 15/4/2014. Hiện tại đang làm việc tại Cảng Cần Thơ với chức vụ Trợ lý Tổng giám đốc theo hợp đồng có thời hạn đến hết năm 2014 số 208/HĐLĐ-CCT ngày 01/7/2014. |
| 4 | Ông Nguyễn Văn Bá | Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Tổ viên |
| 5 | Ông Phan Công Đức | Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Tổ viên |
| 6 | Ông Nguyễn Văn Dục | Thành viên Hội đồng thành viên, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Tổ viên |
| 7 | Bà Nguyễn Thu Sương | Kiểm soát Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Tổ viên |
| 8 | Ông Nguyễn Tư Nguyễn | Chủ tịch Công đoàn, Trưởng phòng Tổ chức Tiền lương Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Tổ viên |
| 9 | Ông Hàng Quang Vinh | Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Tổ viên |
| 10 | Ông Huỳnh Quốc Bình | Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ - Công trình Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Tổ viên |
| 11 | Ông Trịnh Thanh Tùng | Phó Trưởng Phòng Tổ chức Tiền lương Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Tổ viên |



| TT | Họ và tên | Chức danh |
|----|--------------------------|--|
| 12 | Ông Lâm Trúc Sơn | Phụ trách Kế toán Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Tổ viên |
| 13 | Bà Trần Thị Thu Oanh | Trưởng Ban Tài chính Kế toán Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui – Tổ viên |
| 14 | Ông Doãn Nguyễn Hồng Tâm | Trưởng Ban Tài chính Kế toán Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu - Tổ viên |
| 15 | Ông Hoàng Xuân Nam | Thư ký Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Tổ viên |
| 16 | Ông Nguyễn Đăng Khoa | Chuyên viên Phòng Tổ chức Tiền lương Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ - Tổ viên |

4.- Đơn vị xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC

Địa chỉ: Phòng 201- Đơn Nguyên 2 - Tòa nhà 262 Nguyễn Huy Tường - Thanh Xuân Trung - Thanh Xuân - Hà Nội.

Điện thoại: 04.62662284

Fax: 04.62662285

5.- Đơn vị tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Trụ sở chính: Tầng 3 Trung Tâm Hội nghị Công đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84-4-38181888

Fax: 84-4-38181688

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn,

236 -238 Nguyễn Công Trứ, Q.1, TP.HCM

Điện thoại: 08.39151368

Fax: 08.3915136

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng

Điện thoại: 84-511 3525 777

Fax: 84-511 3523



PHẦN II. THỰC TRẠNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẢNG CẦN THƠ Ở THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1.- Thông tin cơ bản

| | |
|--------------------------|--|
| - Tên tiếng Việt: | Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ. |
| - Tên giao dịch quốc tế: | Cantho Port Limited Company. |
| - Tên viết tắt: | Cantho Port. |
| - Địa chỉ giao dịch: | Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam. |
| - Điện thoại: | 07106.516.483 |
| - Fax: | 07103.917.395 |
| - Website: | www.canthoport.com.vn |
| - Logo: | |
| - Giấy CNĐKKD: | 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31/10/2013, thay đổi lần thứ 2 ngày 20/05/2014. |
| - Vốn điều lệ: | 251.798.69.427 đồng. |

2.- Cơ sở pháp lý của việc thành lập

Quyết định số 289/QĐ-HHVN ngày 19/6/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc sáp nhập Cảng Cần Thơ vào Cảng Cái Cui đồng thời chuyển Cảng Cái Cui thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Cần Thơ.

3.- Lịch sử hình thành và phát triển

3.1.- Về Cảng Cần Thơ (Cảng Hoàng Diệu)

- Cảng Cần Thơ được hình thành trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng Cảng quân sự thuộc Tiểu đoàn 805, Trung đoàn 659, Quân khu 9 vào tháng 6 năm 1980, trực thuộc UBND tỉnh Hậu Giang;

- Ngày 29 tháng 8 năm 1980, Cảng Cần Thơ trực thuộc Ty Giao thông vận tải Hậu Giang theo Quyết định số 390/QĐ-UBT.80 ngày 29/8/1980 của UBND tỉnh Hậu Giang (Ngày này đã được chọn để kỷ niệm ngày thành lập cảng);



- Tháng 7/1984, Cảng trực thuộc UBND tỉnh Hậu Giang (Quyết định số 104/QĐ-UBT.84 ngày 30/7/1984 chuyển Cảng Cần Thơ về trực thuộc UBND Tỉnh Hậu Giang (nay là TP Cần Thơ) quản lý và chịu sự chỉ đạo chuyên môn của Bộ GTVT);
- Tháng 01/1990, Cảng Cần Thơ được chuyển về trực thuộc Ty Giao thông Vận tải Hậu Giang theo Quyết định số 16/QĐ-UBT.90 ngày 10/01/1990;
- Tháng 11/1992, Cảng được chuyển thành Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Cần Thơ theo Quyết định số 1393/QĐ.UBT.92 ngày 28/11/1992 của UBND tỉnh Cần Thơ;
- Tháng 9/1993, Cảng Cần Thơ là Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Cục HHVN theo Quyết định số 1828/KH-ĐT ngày 17/9/1993 của Bộ GTVT;
- Tháng 5/1998, Cảng là Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Tổng công ty HHVN theo Quyết định số 91/1998/QĐ.TTg ngày 08/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ;
- Tháng 7/2002, theo Quyết định số 2334/2002/QĐ-BGTVT ngày 26/7/2002 của Bộ trưởng Bộ GTVT và Quyết định số 631/QĐ-HĐQT ngày 30/7/2002 của Hội đồng quản trị Tổng công ty HHVN, Cảng Cần Thơ được tổ chức lại thành đơn vị hạch toán phụ thuộc - trực thuộc Cảng Sài Gòn;
- Tháng 11/2006, tách chuyển nguyên trạng Cảng Cần Thơ – đơn vị trực thuộc Cảng Sài Gòn về làm đơn vị hạch toán phụ thuộc - trực thuộc Tổng công ty HHVN theo Quyết định số 1045/QĐ-HĐQT ngày 16/11/2006 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty HHVN.

3.2.- Về Cảng Cái Cui

- Cảng Cái Cui được thành lập vào ngày 06/6/2006 theo Quyết định 1434/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ.
- Ngày 16/8/2007, Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao Cảng Cái Cui về Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1050/QĐ-TTg.

3.3.- Sáp nhập

Ngày 19/6/2013, Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam ban hành Quyết định số 289/QĐ-HHVN sáp nhập Cảng Cần Thơ vào Cảng Cái Cui đồng thời chuyển Cảng Cái Cui thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Cần Thơ.

4.- Thành tích đạt được

- Năm 1991: Huân chương Lao động Hạng ba
- Năm 2011: Huân chương Lao động Hạng Nhì



Và nhiều bằng khen, cờ thi đua khác của Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trao tặng.

5.- Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31/10/2013, thay đổi lần thứ 2 ngày 25/05/2014, ngành nghề đăng ký kinh doanh hiện tại của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ bao gồm:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|--------------|
| 1 | Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: bốc xếp hàng hóa đường bộ; bốc xếp hàng hóa Cảng biển | 5224 (chính) |
| 2 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (kho ngoại quan); Kho bãi lưu giữ hàng hóa trong kho khác. | 5210 |
| 3 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa | 5222 |
| 4 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuê hải quan | 5229 |
| 5 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác | 7730 |
| 6 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng... | 4290 |
| 7 | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh | 4730 |
| 8 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày | 5510 |
| 9 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | 5610 |
| 10 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 11 | Cung ứng và quản lý nguồn lao động | 7830 |



| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|--|--|
| | Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (Hoạt động phải đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | |
| 12 | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) | 5621 |
| 13 | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề | 9321 |
| 14 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |
| 15 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ | 5221 |
| 16 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ bằng xe tải, xe container | 4933 |
| 17 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa | 5022 |
| 18 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương | 5012 |
| 19 | Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan | 4661 |
| 20 | (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

6.- Cơ cấu lao động

Số lượng lao động của Công ty đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (ngày 09/10/2014) là 212 người. Trong đó, cơ cấu lao động theo trình độ như sau:

| Phân loại theo trình độ | Số lượng | Tỉ lệ |
|--------------------------------------|------------|------------|
| Số lao động có trình độ trên đại học | 4 | 1,89 |
| Số lao động có trình độ đại học | 77 | 36,32 |
| Số lao động có trình độ cao đẳng | 6 | 2,83 |
| Số lao động có trình độ trung cấp | 14 | 6,60 |
| Công nhân kỹ thuật | 49 | 23,11 |
| Lao động khác | 62 | 29,25 |
| Tổng cộng | 212 | 100 |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ, 2014)



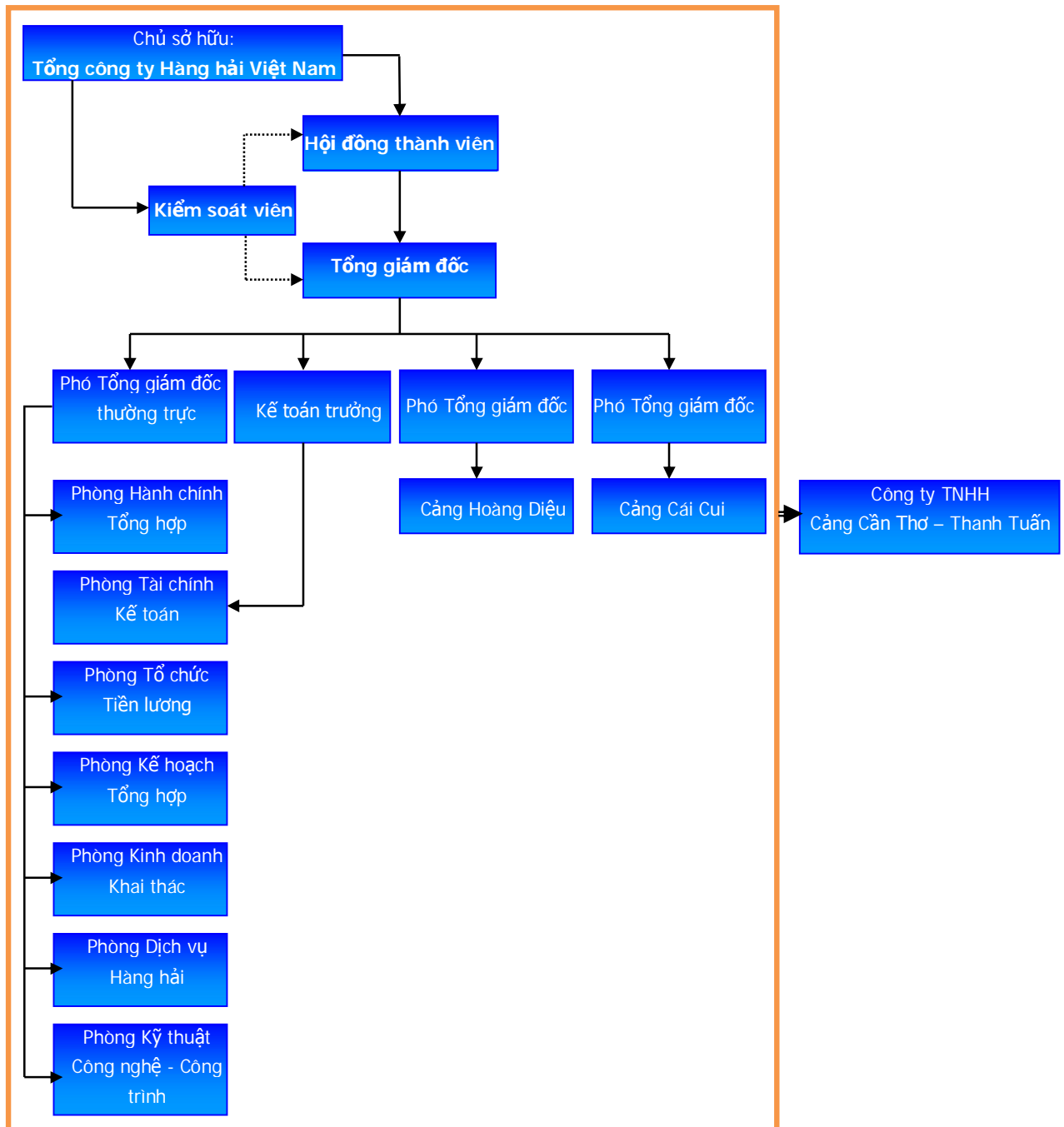
| Phân loại theo Hợp đồng | Số lượng | Tỉ lệ |
|--|-----------------|--------------|
| Không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động | 09 | 4,2 |
| Hợp đồng có thời hạn từ 01 đến 03 năm | 39 | 77,4 |
| Hợp đồng không xác định thời hạn | 164 | 18,4 |
| Tổng cộng | 212 | 100 |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ)



7.- Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

Công ty hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên, chủ sở hữu là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát, điều hành gồm Hội đồng thành viên, các Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, bộ máy giúp việc và các chi nhánh.





Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu mà chủ sở hữu giao theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty; thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty do Công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ và đối với phần vốn góp của Công ty ở các doanh nghiệp khác.

Kiểm soát viên có nhiệm vụ giúp chủ sở hữu kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, việc quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty của Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc: là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, trực tiếp chỉ đạo và giải quyết mọi mặt: tài chính – kế toán, tổ chức - nhân sự, công tác đối ngoại, kế hoạch, đầu tư và phát triển, kiểm tra... của Công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên Công ty và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc: Trợ giúp Tổng giám đốc Công ty trong công tác điều hành hoạt động của Công ty.

Phòng Tài chính Kế toán

Tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc về công tác quản lý tài chính, quản lý sử dụng vốn có hiệu quả, bảo toàn và phát triển các nguồn vốn trong phạm vi quản lý của Công ty.

Thừa lệnh Tổng giám đốc để hướng dẫn, theo dõi kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ của Nhà nước và Chủ sở hữu trong lĩnh vực quản lý tài chính kế toán.

Tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác tổ chức kế toán phù hợp với các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty theo nhu cầu đổi mới cơ chế quản lý, không ngừng cải tiến tổ chức bộ máy và công tác kế toán.

Phòng Tổ chức Tiền lương

Tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc về xây dựng, sắp xếp, tổ chức bộ máy quản lý, điều hành của Công ty và các đơn vị trực thuộc trong từng thời kỳ cho phù hợp với chính sách đổi mới của Nhà nước và định hướng phát triển của Công ty; công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên; công tác bảo vệ chính trị nội bộ; công tác quản lý lao động, tiền lương của Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Tham mưu, giúp Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Tham mưu cho Hội đồng thành viên trong công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu



nại, tố cáo. Nắm tình hình, phản ánh và đề xuất ý kiến cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc về việc chấp hành chủ trương, đường lối chính sách Đảng và pháp luật của Nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị trong Công ty.

Phòng Kỹ thuật - Công nghệ - Công trình

Tham mưu cho Tổng giám đốc trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất, trong nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới vào các dự án đầu tư mua sắm và trong việc sử dụng khai thác phương tiện, thiết bị xếp dỡ, cơ khí; Thực hiện công tác đảm bảo an toàn lao động của Công ty.

Tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác quản lý và giám sát kỹ thuật, chất lượng; Công tác quản lý Vật tư, thiết bị; Công tác soát xét, lập, trình duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công kiểm định chất lượng thi công, chất lượng công trình.

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong công tác đảm bảo an toàn lao động bao gồm: kỹ thuật an toàn, huấn luyện bảo hộ lao động, trang bị phòng hộ lao động. Kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn và các mặt hoạt động về kỹ thuật an toàn cho các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

Tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn phù hợp. Thực hiện công tác phòng chống lụt bão, công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

Phòng Kinh doanh Khai thác

Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc về công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và thống kê (bao gồm công tác xây dựng giá cước dịch vụ, công tác thương vụ; công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng ..); công tác tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác.

Phòng Kế hoạch Tổng hợp

Tham mưu cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc về các dự án đầu tư; quản lý đầu tư xây dựng của Công ty; Công tác đối ngoại của Công ty; Xây dựng kế hoạch quản lý đất đai, công trình xây dựng, vật kiến trúc, quản lý hồ sơ dự án, quản lý giám sát xây dựng công trình.

Phòng Hành chính Tổng hợp

Thực hiện chức năng quản trị hành chính văn phòng, phục vụ lễ tân, công tác thi đua khen thưởng, tuyên truyền cổ động và một số công tác khác do Tổng giám đốc giao. Hướng dẫn công tác chuyên môn về soạn thảo văn bản và công tác văn thư lưu trữ tại các đơn vị trực thuộc. Trong lĩnh vực công nghệ thông tin, ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức, triển khai và quản lý việc thực hiện các dự án trang bị mới thiết bị tin học cho các đơn vị trực thuộc



Công ty, hướng dẫn chuyên môn cho bộ phận công nghệ thông tin của các đơn vị trực thuộc Công ty.

Tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc trong công tác vệ sinh lao động, y tế cơ quan, tuyên truyền, giáo dục cho người lao động. Quản lý sức khỏe người lao động của Công ty và tổ chức thực hiện các nội dung của y tế cơ quan. Kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn và các mặt hoạt động về vệ sinh lao động, công tác y tế cho các phòng ban, đơn vị trực thuộc.

Phòng Dịch vụ Hàng hải

Tham mưu, giúp việc cho Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc về công tác Nghiên cứu Khai thác các dịch vụ hàng hải & logistics, tiếp cận các khách hàng trong và ngoài nước nhằm thương thảo cung ứng sản phẩm dịch vụ hàng hải cho tàu biển & chủ hàng các cảng trong khu vực. Liên hệ, giao dịch làm đại lý cho các hãng tàu, hãng container (cung cấp nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, tàu lai, đồ rác ...).

Công ty liên doanh liên kết: Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Hồng Lực được thành lập trên cơ sở góp vốn, liên doanh giữa 02 đơn vị là Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ và Công ty TNHH Xây dựng Hồng Lực theo tỉ lệ góp vốn mỗi thành viên chiếm hữu 50% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên cấp ngày 02/8/2010.

- Ngày 11/4/2014, thành viên góp vốn là Công ty TNHH Xây dựng Hồng Lực đã chuyển nhượng phần góp vốn của mình sang cho Công ty TNHH Xây dựng và Khảo sát Công trình Thanh Tuấn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên cấp ngày 11/4/2014.

- Ngày 04/6/2014, Hội đồng thành viên Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Hồng Lực thống nhất đổi tên Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Hồng Lực thành Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên cấp ngày 04/6/2014.

8.- Thông tin về các đơn vị trực thuộc

| TT | Tên chi nhánh | Địa chỉ |
|-----------|---|---|
| 1 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui | 02 KV Phú Thẳng, P.Tân Phú, Q.Cái Răng, TP. Cần Thơ |
| 2 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu | 27 Lê Hồng Phong, P.Trà An, Q.Bình Thủy, Tp.Cần Thơ |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ, 2014)



9.- Vị thế Công ty trong ngành

- Nằm ở vị trí trọng yếu, Cần Thơ là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ của khu vực. Trong đó, Cảng Cần Thơ có quá trình hình thành và phát triển lâu đời, có diện tích cảng, diện tích cầu cảng, trang thiết bị, nguồn nhân lực, khả năng tài chính được xem là lớn nhất khu vực.

- Trong quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ, Cảng Cần Thơ là cảng tổng hợp quốc gia - đầu mối khu vực (loại I), thuộc cụm cảng số 6 trong 7 nhóm cảng biển quốc gia. Theo Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014, Cảng Cần Thơ được lựa chọn xây dựng thành bến tổng hợp kết hợp container quốc tế của vùng ĐBSCL, nhằm phục vụ hoạt động vận tải hàng hóa đóng container xuất nhập khẩu của vùng đến các cảng đầu mối quốc gia, Vương quốc Campuchia và các nước tiểu vùng sông Mekong.

- Các khách hàng truyền thống của Công ty bao gồm nhiều loại hình doanh nghiệp đa dạng trong nước và nước ngoài thực hiện sản xuất, kinh doanh các mặt hàng đa dạng từ công nghiệp (sắt, thép, clinker, than đá, bê tông...), nông nghiệp (gạo, cám, bột mì...) và lâm nghiệp (gỗ lóng, củi trấu,...). Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ là đơn vị duy nhất có khả năng bốc dỡ các thiết bị siêu trường, siêu trọng tại ĐBSCL; đơn cử trong thời gian qua Công ty đã tham gia thực hiện bốc xếp, vận chuyển cho các công trình trọng điểm của quốc gia như: dự án cầu Cần Thơ, dự án nhà máy điện gió Bạc Liêu, dự án nhà máy khí điện đạm Cà Mau, dự án nhà máy Nhiệt điện Ô Môn..

- Chiến lược phát triển Cảng Cần Thơ trở thành cảng trung tâm, đầu mối giao thông, kết nối các vùng kinh tế, các tỉnh, Khu vực đồng bằng Sông Cửu Long. Cảng Cần Thơ có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải 20.000 DWT và các tàu trên 20.000 DWT giảm tải (dự án kênh Quan Chánh Bó hoàn thành), cung ứng các dịch vụ khai thác cảng biển, kho, bãi, dịch vụ hàng hải, dịch vụ logistics.....



Sơ đồ vị trí Cảng Hoàng Diệu và Cảng Cái Cui

- Định hướng trong tương lai sẽ phát triển Cảng Cái Cui thành cảng container trung tâm của vùng ĐBSCL với hạ tầng kho bãi, trang thiết bị, công nghệ quản lý hiện đại. Trong khi đó, Cảng Hoàng Diệu tập trung phát triển, khai thác các loại hàng bao, hàng rời, hàng thiết bị, hàng bách hóa.....kết hợp với các chi nhánh, trạm đại diện tại Duyên Hải (Trà Vinh), Vàm Cái Sắn (Thốt nốt), Hà Tiên- Kiên Giang, tạo thành một hệ thống các bến cảng, phục vụ cho nhu cầu của khách hàng, thực hiện nhiệm vụ kinh tế, chính trị cho sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương và vùng ĐBSCL.



10.- Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ trước cổ phần hóa

10.1.- Năng lực cầu bến, kho bãi

Được hình thành trên cơ sở sáp nhập hai Cảng Cần Thơ và Cái Cui, Công ty được kế thừa hệ thống hạ tầng vào loại lớn nhất khu vực bao gồm các cầu cảng dài, có thể tiếp nhận các tàu có trọng tải lớn, cùng với hệ thống kho bãi diện tích lớn với 28,053 m² (kho), 60.198 m² (bãi container) và 83.276 m² (bãi hàng tổng hợp).

Năng lực cầu bến

| Cầu/bến | Độ sâu | Số lượng cầu | Chiều dài | Trọng tải tàu tối đa có thể tiếp nhận | Loại hàng tiếp nhận |
|-----------------|--------|--------------|-----------|---------------------------------------|-------------------------------|
| Cảng Hoàng Diệu | -14 m | Cầu A | 142 m | 20.000 DWT | Hàng container, hàng tổng hợp |
| | | Cầu B | 160 m | 10.000 DWT | Hàng container, hàng tổng hợp |
| Cảng Cái Cui | -14 m | Cầu số 1 | 165 m | 10.000 DWT | Hàng container, hàng tổng hợp |
| | | Cầu số 2 | 200 m | 20.000 DWT | Hàng container, hàng tổng hợp |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ, 2014)

Kho hàng

| STT | Tên kho, bãi | Diện tích (m ²) | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----------------------------|---------|
| 1 | Kho hàng tổng hợp số 1 | 3.024 | |
| 2 | Kho hàng tổng hợp số 2 | 1.224 | |
| 3 | Kho hàng tổng hợp số 3 | 3.024 | |
| 4 | Kho hàng tổng hợp số 4 | 1.224 | |
| 5 | Kho hàng tổng hợp số 5 | 3.024 | |
| 6 | Kho hàng tổng hợp số 6 | 1.000 | |



| STT | Tên kho, bãi | Diện tích (m ²) | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----------------------------|---------------|
| 7 | Kho CFS | 3.024 | Đang xây dựng |
| 8 | Kho A | 3.240 | |
| 9 | Kho A1 | 3.007 | |
| 10 | Kho A2 | 1.080 | |
| 11 | Kho B1 | 630 | |
| 12 | Kho hậu phương | 2.392 | |
| 13 | Kho CFS | 2.160 | |
| | Tổng diện tích | 28.053 | |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ, 2014

Bãi Container:

| STT | Tên Kho, bãi | Diện tích (m ²) | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|-----------------------------|---------------|
| 1 | Bãi chứa hàng container | 11.930 | |
| 2 | Bãi chứa hàng container | 25.600 | Đang xây dựng |
| 3 | Bãi container (A1, A3, A4, A6) | 12.371 | |
| 4 | Bãi xếp container (A1,A2,A5,A6) | 10.297 | |
| | Tổng diện tích | 60.198 | |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ, 2014



Bãi hàng tổng hợp

| STT | Tên kho, bãi | Diện tích (m ²) | Ghi chú |
|-----|---------------------------------|-----------------------------|---------------|
| 1 | Bãi công nghệ quanh kho số 1 | 9.686 | |
| 2 | Bãi chất rút quanh kho CFS | 14.576 | Đang xây dựng |
| 3 | Bãi hàng rời nền cát | 18.152 | |
| 4 | Bãi hàng tổng hợp | 7.776 | |
| 5 | Bãi chất hàng than | 2.074 | |
| 6 | Bãi Công ty IDICO thuê | 5.845 | |
| 7 | Bãi Công ty Phan Thông thuê | 6.000 | |
| 8 | Bãi Công ty Runlong thuê | 5.000 | |
| 9 | Bãi hàng tổng hợp (C1,C2,C3,C4) | 6.825 | |
| 10 | Bãi D1, D2, D3, D4 | 1.498 | |
| 11 | Bãi hậu phương | 844 | |
| 12 | Bãi bê tông nhựa (02,03,04,05) | 5.000 | |
| | Tổng diện tích | 83.276 | |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ, 2014)

10.2.- Lĩnh vực kinh doanh

Với hệ thống cơ sở hạ tầng và lợi thế về vị trí địa lý nêu trên, Công ty đã và đang cung cấp dịch vụ cho các khách hàng trong và ngoài nước. Các dịch vụ kinh doanh chính của Công ty hiện bao gồm bốn nhóm chính (i) Bốc xếp vận tải (ii) Cho thuê bến



bãi và dịch vụ lưu kho bảo quản (iii) Cung ứng xăng dầu và (iv) Kinh doanh dịch vụ phụ trợ khác .

10.2.1.- Hoạt động bốc xếp, vận tải

- Hoạt động bốc xếp vận tải là hoạt động chính, mang về nguồn thu lớn cho Công ty qua các năm. Hoạt động bốc xếp bao gồm dịch vụ bốc xếp hàng container và dịch vụ gom, bốc xếp hàng tổng hợp. Công ty hiện đang sở hữu và khai thác các loại cần trục có sức nâng từ 25 – 250 tấn, đủ năng lực bốc xếp cho các tàu có tải trọng lớn, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí bốc dỡ.

- Về hoạt động vận tải: hoạt động vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ của Công ty được hỗ trợ tốt bởi đội sà lan, tàu lai dắt và đội xe tải container chuyên nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn liên kết với các Công ty chuyên vận tải hàng hóa có khả năng chuyên chở cấp khu vực để đáp ứng nhanh chóng và hiệu quả mọi nhu cầu của khách hàng.





10.2.2.- Dịch vụ lưu kho bãi

a.- Kho và dịch vụ lưu kho

Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ đang sở hữu một hệ thống nhà kho và diện tích sử dụng để bảo quản hàng hóa lớn. Công ty cung cấp dịch vụ giúp khách hàng ký hợp đồng dài hạn để gom hàng, lưu trữ tại kho. Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong việc kiểm soát, kiểm đếm hàng hóa, có phương thức đóng gói hàng hóa cẩn thận, chính xác, tiết kiệm diện tích giúp giảm thiểu chi phí phát sinh, tận dụng tối đa diện tích kho bãi. Dịch vụ lưu kho của Công ty có tỉ lệ lấp đầy rất cao, có những thời điểm diện tích lấp đầy lên tới 100%.

b.- Bãi và dịch vụ cho thuê bến bãi

Với tổng cộng hơn 143.000 m² bãi hàng hóa ở hai Cảng Cái Cui và Cảng Hoàng Diệu, Công ty hiện đang sở hữu cơ sở hạ tầng bãi lớn nhất so với các Cảng khác trong khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, tỉ lệ lấp đầy chung toàn Công ty hiện ở mức 42%.

10.2.3.- Hoạt động cung ứng xăng dầu

Là một trong những dịch vụ kinh doanh truyền thống của Cảng. Trong thời gian qua, dịch vụ cung ứng xăng dầu cho các đối tượng là các tàu chở hàng hóa qua cảng và các đơn vị vận tải trong cảng đang phát triển trở thành một trong những nhóm dịch vụ thường xuyên mang lại nguồn thu đáng kể trong tương lai của Công ty. Trong 6 tháng đầu năm 2014, doanh thu từ dịch vụ cung ứng xăng dầu là 5.9 tỷ đồng, chiếm 13,86 % tổng doanh thu toàn Công ty.

10.2.4.- Hoạt động kinh doanh khác

Ngoài các nhóm dịch vụ chính kể trên, Công ty hiện còn cung cấp các dịch vụ giao nhận, các dịch vụ cung ứng hàng hải, dịch vụ cho thuê tàu lai, và các dịch vụ khác. Các dịch vụ phụ trợ này tuy chiếm tỷ trọng doanh thu không cao nhưng lại đóng vai trò hỗ trợ quan trọng, gia tăng thêm giá trị cho các nhóm dịch vụ chính, giúp Công ty hình



thành chuỗi cung ứng dịch vụ hàng hải đa dạng và hoàn chỉnh.

10.3.- Sản lượng khai thác qua các năm trước cổ phần hóa

Đơn vị: Tấn

| Năm | 2011 | Tỉ lệ % | 2012 | Tỉ lệ % | 2013 | Tỉ lệ % | Ước 2014 | Tỉ lệ % |
|---------------------------------|------------------|------------|------------------|------------|------------------|------------|------------------|------------|
| Sản lượng | | | | | | | | |
| Hàng xuất khẩu | 170.211 | 13,36 | 115.629 | 9,06 | 124.111 | 8,10 | 98.000 | 4,67 |
| Hàng nhập khẩu | 111.370 | 8,74 | 80.078 | 6,27 | 104.021 | 6,79 | 115.000 | 5,47 |
| Nội địa | 992.236 | 77,90 | 1.080.468 | 84,67 | 1.303.794 | 85,11 | 1.887.000 | 89,86 |
| Tổng sản lượng khai thác | 1.273.817 | 100 | 1.276.175 | 100 | 1.531.926 | 100 | 2.100.000 | 100 |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ)

10.4.- Nguyên, nhiên vật liệu và chi phí đầu vào

Với đặc trưng của hoạt động kinh doanh dịch vụ chính là thực hiện xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa, nguồn nhiên liệu chủ yếu của Công ty là xăng, dầu và dầu mỡ bôi trơn. Vì thế, sự biến động giá cả của xăng dầu trên thị trường quốc tế và trong nước sẽ có những ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhằm đề phòng những rủi ro cho những biến động về giá xăng dầu đối với hoạt động kinh doanh. Công ty đã ký kết hợp đồng cung cấp có thời hạn lâu dài với các nhà cung cấp có uy tín.

| STT | Tên nhà cung cấp | Loại nguyên vật liệu cung cấp |
|-----|------------------------------|-------------------------------|
| 1 | Công Ty Xăng Dầu Tây Nam Bộ | Xăng, dầu |
| 2 | Công ty CP Việt Tín – Mekong | Nhớt |
| 3 | Cty TNHH TM Khang Hưng Phát | Nhớt |
| 4 | Cty TNHH MTV TMDV Hamaco | Nhớt |
| 5 | Lý Lệ Quyên (chợ An Lạc) | Cáp |
| 6 | Cty TNHH MTV Phúc Vinh | Cáp |
| 7 | Cty TNHH TM Giai Hòa | Phụ tùng máy móc |



| STT | Tên nhà cung cấp | Loại nguyên vật liệu cung cấp |
|-----|------------------------------|-------------------------------|
| 8 | DNTN A Lập | Phụ tùng máy móc |
| 9 | Cty TNHH An Tùng | Phụ tùng máy móc |
| 10 | Cty TNHH TMDN Bình Nguyên NT | Phụ tùng máy móc |
| 11 | DNTN Ngọc Hồ | Dây cáp, dây bê... |
| 12 | Cửa hàng Khưu Văn Được | Ma ní, vật tư sắt thép... |
| 13 | DNTN Hoàng Đua | Dầu Do, nhớt... |

10.5.- Trình độ công nghệ

Chất lượng dịch vụ phụ thuộc phần lớn vào hệ thống máy móc chuyên dụng sẵn sàng phục vụ các hoạt động vận tải, xếp dỡ. Công ty đã đầu tư trang bị hệ thống máy móc thiết bị phụ trợ tương đối hoàn thiện từ tuyến tiền phương đến tuyến hậu phương phù hợp với hàng rời và hàng container.

| STT | TÊN MÁY MÓC | NƯỚC SẢN XUẤT | CÔNG SUẤT | SỨC NÂNG | SỐ LƯỢNG |
|----------|--------------------|---------------|----------------------|----------|----------|
| I | CẦN TRỤC | | | | |
| 1 | BUCYRUS 38 B | MỸ | CATERPILLAR.I6-350HP | 40T | 1 |
| 2 | GOTTWALD 75T | ĐỨC | DUTZ.I6-175HP | 75T | 1 |
| 3 | LIMA 1250SC | MỸ | GM.I6.110-350HP | 90T | 1 |
| 4 | LORAIN 70T | MỸ | CATERPILLAR.I6-350HP | 70T | 1 |
| 5 | LORAIN 45T | MỸ | GM.I6-225HP | 45T | 1 |
| 6 | LORAIN MC-30H | MỸ | CUMINS8-220KW/297HP | 30T | 1 |
| | Máy xe | | CUMINS6-186KW/250HP | | |
| 7 | KOEHRING 40T | MỸ | GM.I6-225HP | 40T | |
| 8 | KomatsuBucyrus 25T | MỸ-NHẬT | HINO.I6-220HP | 25T | 1 |
| 9 | LINKBELT 45T | MỸ | GM.I6-225HP | 45 T | 1 |
| 10 | Hitachi FK 150 | NHẬT | GM.I4- 160HP | 30T | 1 |
| 11 | Hitachi KH 300 3 | NHẬT | ISUZU 6RB1- | 80T | 1 |



| STT | TÊN MÁY MÓC | NƯỚC SẢN XUẤT | CÔNG SUẤT | SỨC NÂNG | SỐ LƯỢNG |
|------------|-----------------|--------------------|-------------------------|----------|----------|
| | | | 166KW/225PS | | |
| 12 | HITACH KH500-3 | NHẬT | ISUZU,EM100-247KW/334HP | 100T | 1 |
| 13 | HITACH KH180-3 | NHẬT | HINO,EM100-110KW/154HP | 50T | 1 |
| 14 | HITACH KH 180-2 | NHẬT | ISUZU6-110KW/154HP | 50T | 1 |
| 15 | NISSHA D408S | NHẬT | HINO6,EB100-123KW/167HP | 45T | 1 |
| II | XE CHỤP | | | | |
| 1 | KALMAR | THỤY ĐIỂN | VOLVO.I6-220HP | 42T | 1 |
| 2 | FERARI | ITALIA - THỤY ĐIỂN | VOLVO.V8-280HP | 42T | 1 |
| III | XE NÂNG | | | | |
| 1 | CATERPILLAR | MỸ | | 4T | 1 |
| 2 | TCM-1-2,5T | NHẬT | ISUZU, 4LB1-58KW/78HP | 2.5T | 01 |
| 3 | TCM-4-10T | NHẬT | ISUZU, I6-105KW/141HP | 10T | 01 |
| 4 | TCM-5-5T | NHẬT | ISUZU, I6-98KW/120HP | 5T | 01 |
| 5 | MITSUBISHI-7T | NHẬT | ISUZU, I6-98KW/120HP | 7T | 01 |
| 6 | KOMATSU-4T | NHẬT | KOMATSU58KW/78,4HP | 4T | 01 |
| 7 | FD150-15T | NHẬT | ISUZU, I6-155KW/178HP | 15T | 01 |
| 8 | TCM-7,5T. | NHẬT | ISUZU,D500-105KW/141HP | 7.5T | 01 |
| 9 | TCM-2,5T. | NHẬT | ISUZU, 4LB1-58KW/78HP | 2.5T | 01 |
| IV | XE ỦI | | | | |
| 1 | D31P-2 | NHẬT | KOMATSU58KW/78,4HP | 5T | 01 |
| 2 | D31P-3 | NHẬT | KOMATSU58KW/78,4HP | 5T | 01 |
| 3 | D31 P-17. | NHẬT | KOMATSU58KW/78,4HP | 5T | 01 |
| 4 | D21 P-7 | NHẬT | KOMATSU30,5KW/41,3HP | 3T | 01 |
| V | XE XÚC | | | | |



| STT | TÊN MÁY MÓC | NƯỚC SẢN XUẤT | CÔNG SUẤT | SỨC NÂNG | SỐ LƯỢNG |
|-------------|-------------------------|---------------|------------------------|----------|----------|
| 1 | XE XÚC - 5T | NHẬT | KOMATSU58KW/78,4HP | 5T | 1 |
| 2 | XE XÚC - TCM820- 5T | NHẬT | ISUZU, I6-98KW/120HP | 5T | 1 |
| 3 | WS 300 | NHẬT | ISUZU.I3-38KW/58HP | 1T | 1 |
| 4 | WS 310 | NHẬT | ISUZU.I3-38KW/58HP | 1T | 1 |
| VI | PHƯƠNG TIỆN THỦY | | | | |
| 1 | CT-01-CT 01856 | MỸ-NHẬT | NIGATA1350HP | | 1 |
| 2 | CT-03- CT 06610 | MỸ | CATERPILLAR425HP | | 1 |
| 3 | CANO-02 | VN | KIA30HP | | 1 |
| 4 | CANO-03 | VN | KIA35HP | | 1 |
| VII | ĐÀU KÉO | | | | |
| 1 | IVECO-65R0005 | THỤY ĐIỆN | | | 1 |
| 2 | KAMAZ-65M 2489 | NGA | KAMAZ.I6-200HP | | 1 |
| 3 | MOOC TỰ NÂNG 65R 0036 | ICERLAN | | 30T | 1 |
| 4 | KAMAZ-65M 0012 | NGA | KAMAZ.I6-200HP | | 1 |
| 5 | D1 | ANH | 354.I6-180 HP | | 1 |
| 6 | D2 | ANH | 354.I6-180 HP | | 1 |
| 7 | D3 | ANH | 354.I6-180 HP | | 1 |
| 8 | D4 | MỸ | CATERPILLA.I6-200HP | | 1 |
| 9 | INTERNATIONAL. | NHẬT | CUMINS6-195KW/263HP | | 1 |
| 10 | BOLLNAS. | THỤY ĐIỆN | VOLVO.I6-200HP | | 1 |
| VIII | XE BEN | | | | |
| 1 | KAMAZ 57H 5090 | NGA | KAMAZ.I6-200HP | | 1 |
| 2 | HYUNDAI. | KOREA | MISUBISHI8-115KW/155HP | | 1 |
| IX | XE DU LỊCH | | | | |
| 1 | THACOHYUNDAI | | | 29 | 1 |



| STT | TÊN MÁY MÓC | NƯỚC SẢN XUẤT | CÔNG SUẤT | SỨC NÂNG | SỐ LƯỢNG |
|-------------|-------------------------------------|---------------|---|-----------|----------|
| | 65M 0453 | | | GHỀ | |
| 2 | FORD TRANSIT 65N 1078 | | 74,8KW/101HP | 16 GHỀ | 1 |
| 3 | FORD TRANSIT 65N- 2132 | | 74,8KW/101HP | 16 GHỀ | 1 |
| 4 | TOYOTA COROLLA ALTIS 65N 0932 | | 138KW/186HP | 4 GHỀ | 1 |
| 5 | NISSAN 65N 1943 | | 69,5KW/94HP | 4 GHỀ | 1 |
| 6 | FORD EVEREST 65N 6181 | | 69,5KW/94HP | 7 GHỀ | 1 |
| X | MÁY PHÁT ĐIỆN | | | | |
| 1 | D10 - 220V | VN | 5 KVA | | 1 |
| 2 | D15 -220V-40V | VN | 7KVA | | 1 |
| 3 | HONDA-220V | NHẬT | 2KVA | | 1 |
| 4 | SACM-MGO | MỸ | 630KVA | | 1 |
| 5 | CATERPILLAR. | MỸ | CATERPILLA.I6- 270KW/365HP | | 1 |
| 6 | KUBOTA. | NHẬT | KUBOTA-10,3KW/14HP | | 1 |
| XI | MÁY BƠM NƯỚC | | | | |
| 1 | BƠM NƯỚC PCCN | NHẬT | 23,5HP | | 1 |
| 2 | BƠM NƯỚC | NHẬT | 5,5HP | | 1 |
| 3 | MÁY BƠM NƯỚC | NHẬT | 3,5HP | | 1 |
| 4 | BƠM NƯỚC PCCN | KOREA | 37,5KW-51HP 4A200T-SL, DAEDONG- KOREA | | 1 |
| 5 | MÁY BƠM NƯỚC | NHẬT | 40KW-54HP TOHATSU VC 52S | | 1 |
| XII | MÁY CẮT CỎ | NHẬT | 50cm3 | | 1 |
| XIII | MÁY BIẾN ÁP | | | | |
| 1 | MÁY BIẾN ÁP | VN | 630KVA | | 2 |
| XIV | TRẠM CÂN | | | | |



| STT | TÊN MÁY MÓC | NƯỚC SẢN XUẤT | CÔNG SUẤT | SỨC NÂNG | SỐ LƯỢNG |
|------------|---------------------|---------------|-----------|----------|----------|
| 1 | CÂN ĐIỆN TỬ | VN | 80T | | 2 |
| XV | RƠ MOỐC | VN | | | |
| 1 | RƠ MOỐC 20' | VN | 20' | | 2 |
| 2 | RƠ MOỐC 40' | VN | 40' | | 6 |
| 3 | RƠ MOỐC TRAILER 20' | VN | 20' | | 1 |
| 4 | RƠ MOỐC TRAILER 40' | VN | 40' | | 3 |
| 5 | RƠ MOỐC LÙN | MỸ | 20' | | 1 |
| XVI | SÀ LAN | VN | | | |
| 1 | SÀ LAN | VN | 400T | | 1 |
| 2 | SÀ LAN | VN | 500T | | 1 |
| 3 | SÀ LAN | VN | 600T | | 1 |
| 4 | SÀ LAN | VN | 800T | | 1 |
| 5 | SÀ LAN | VN | 300T | | 1 |

Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ, 2014

10.6.- Nghiên cứu và phát triển

Cảng Cần Thơ xác định việc đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng đồng bộ là điều kiện tiên quyết để Công ty có thể nâng cao chất lượng dịch vụ của cảng. Phương hướng sắp tới của Công ty là sẽ trang bị các phần mềm quản lý cho các lĩnh vực kinh doanh của Cảng (nhất là phần mềm quản lý bãi container hiện đại) và nâng cấp hệ thống tin học giúp nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, khai thác Cảng.

10.7.- Hệ thống quản lý chất lượng

Công ty đảm bảo cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho mọi khách hàng, đảm bảo cho lượng hàng hóa được bốc dỡ, trung chuyển, lưu kho qua Cảng được thực hiện trong thời gian sớm nhất, thủ tục nhanh gọn, hạn chế các hiện tượng hư hại khi lưu kho, đảm bảo an toàn cho hàng hóa của khách hàng.

10.8.- Hoạt động Marketing

Công ty chú trọng đến hoạt động marketing nhằm giữ chân khách hàng cũ, đồng thời mở rộng đối tượng khách hàng mới, khách hàng tiềm năng. Các hoạt động marketing mà Công ty đang áp dụng bao gồm:



10.8.1.- Các hình thức quảng cáo:

- Marketing trực tiếp gặp gỡ khách hàng, gửi brochure giới thiệu năng lực của công ty, hoặc gửi email đến từng khách hàng có tiềm năng, Điện thoại/fax, internet marketing là phương tiện cơ bản để quảng bá hình ảnh công ty với các khách hàng thường được rất nhiều doanh nghiệp áp dụng.

- Quảng cáo qua bản tin: Doanh nghiệp với vai trò là Cảng biển nước sâu duy nhất tại ĐB SCL đã được truyền hình và báo chí phỏng vấn cho các bản tin chuyên ngành trong phát triển kinh tế địa phương (Đài phát thanh và truyền hình TP. Cần Thơ, Cổng thông tin điện tử TP. Cần Thơ, Báo Công thương, VTC Cần Thơ, Thế giới & Việt Nam, Thời báo Kinh tế thế giới và Việt Nam, Shippingtimes).

- Hội thảo: Công ty là thành viên tham gia các hội nghị thường niên, hội thảo chuyên ngành vận tải biển hàng năm của Hiệp hội Cảng biển Việt Nam-(VPA).

- Hội chợ: tham gia các Hội chợ chuyên ngành và hội chợ thương mại (Hội chợ Thương mại VEF "TP Cần Thơ – 10 năm thành tựu và phát triển", Festival lúa gạo Sóc Trăng,..), tập trung trưng bày gian hàng theo phương pháp trực quan và phát quà tặng lưu niệm cho các khách hàng doanh nghiệp tham quan.

- Website Công ty thường xuyên cập nhật thông tin về giá các dịch vụ, tình hình hoạt động của Cảng, đánh giá mức độ cạnh tranh ra sao, lợi thế cạnh tranh của Cảng để thu hút khách hàng tham quan, tìm hiểu và hợp tác. Đồng thời thúc đẩy thêm hình thức hợp tác, liên lạc qua mạng vừa tiết kiệm chi phí và thời gian.

10.8.2.- Các chính sách marketing của Công ty:

- Thông qua công tác nghiên cứu thị trường, xác định mục tiêu kinh doanh, khách hàng mục tiêu, thị trường mục tiêu, đối thủ cạnh tranh, xác định thị phần, điểm mạnh, điểm yếu của công ty và các đối thủ cạnh tranh. Đưa ra các giải pháp thực hiện trước mắt và lâu dài nhằm giữ vững thị phần, mở rộng thị trường khai thác.

- Áp dụng các chính sách về kế hoạch tiếp thị, chính sách về giá hợp lý, linh hoạt, chất lượng cung ứng dịch vụ, phân khúc thị trường, bố trí nhân lực, phương tiện phù hợp (Cái Cui, Hoàng Diệu, Vàm Cái Sắn, Trà Vinh, Kiên Giang).

- Tăng cường các mối quan hệ với các đối tác, khách hàng, đại lý tàu và các cơ quan ban ngành.



10.9.- **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký nhãn hiệu số 165346 được Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học Công nghệ cấp ngày 09/06/2011. Màu sắc nhãn hiệu của Công ty bao gồm màu vàng, đen, xanh da trời, xanh dương, trắng.



10.10.- **Các hợp đồng lớn đang được thực hiện**

Với đặc thù là đơn vị cung cấp dịch vụ cảng, Công ty thường giao dịch với các khách hàng lẻ và khách hàng truyền thống. Theo đó, đối với khách hàng lẻ phải ứng trước 30% - 50% giá trị hợp đồng hoặc giấy bảo lãnh của ngân hàng mà hai bên dự kiến sẽ thực hiện và phải thanh toán dứt điểm số nợ còn lại trước khi làm xong hàng rời cảng. Hợp đồng dài hạn (từ 06 tháng đến 05 năm), áp dụng cho tất cả các khách hàng truyền thống đã có thời gian làm hàng tại cảng. Thời hạn thanh toán là 07 ngày sau khi nhận hóa đơn tài chính của Công ty.

| STT | Tên hợp đồng | Giá trị hợp đồng (VND) | Thời gian | Sản phẩm dịch vụ | Đối tác |
|-----|----------------|------------------------|-----------|--|--------------------------------|
| 1 | 003/HĐKT.CCT | 328.385.000 | 1 năm | Bốc xếp, vận chuyển trang thiết bị | Cty TNHH Giấy Lee&Man Việt Nam |
| 2 | 004/HĐBXVC.CCT | 375.721.016 | 6 tháng | Bốc xếp Tole cuộn | Cty CP Vận tải thủy Tân Cảng |
| 3 | 40/HĐKT-CCC-KT | 306.800.000 | 6 tháng | Rút container, cho thuê thiết bị xe nâng | Cty TNHH King Group |
| 4 | 35/HĐKT-CCC-KT | 289.700.000 | 6 tháng | Bốc xếp, cho thuê bãi Gạch ceramic | Cty TNHH TM Triều Thuận Nguyên |



| STT | Tên hợp đồng | Giá trị hợp đồng (VND) | Thời gian | Sản phẩm dịch vụ | Đối tác |
|-----|------------------|------------------------|-----------|--|--|
| 5 | 33/HĐKT-CCC-KT | 222.000.000 | 6 tháng | Vận chuyển, bốc xếp thiết bị | Cty TNHH Vận tải TM DV Huy Thắng |
| 6 | 27/HĐKT-CCC-KT | 2.758.000.000 | 6 tháng | Cho thuê kho Cám | Cty TNHH Wilmar Agro Việt Nam |
| 7 | 22/HĐKT-CCC-KT | 624.000.757 | 1 năm | Cho thuê kho thức ăn chăn nuôi | Cty TNHH Proconco Cần Thơ |
| 8 | 09/HĐKT-CCC-KT | 477.000.303 | 1 năm | Cho thuê kho, bốc xếp bột cá | DNTN Khải Hoàn |
| 9 | 04/HĐKT-CCC-KT | 538.200.240 | 1 năm | Bốc xếp Container | Cty TNHH MTV Hàng hải Hà Nội Cần Thơ |
| 10 | 048/2009N-HĐBXTB | 742.800.000 | 1 năm | Cho thuê bãi, phụ thu bơm mỡ cá | Công Ty TNHH Tập Đoàn Quốc Tế RUNLONG |
| 11 | 13/HĐKT-CCC-KT | 674.000.000 | 1 năm | Cho thuê bãi, bốc xếp gỗ dăm | Cty CP Đầu tư Thủy Sơn |
| 12 | 19/TB.CHD.2014 | 2.168.600.540 | 2 năm | Cho thuê bãi, bốc xếp gỗ dăm | Cty TNHH SX DV TM Thủy Sơn |
| 13 | 35/BX.CCT.2013 | 1.253.000.000 | 1 năm | Bốc xếp Gạo, cám | Cty TNHH TM DV VTB Ngô Đam |
| 14 | 81/BX.CHD.2014 | 2.568.000.000 | 1 năm | Bốc xếp Gạo, cám | Cty CP TM Vận tải Nhật Hải Đăng |
| 15 | 01/BX.CHD.2014 | 5.284.600.000 | 1 năm | Bốc xếp Gạo, cám | Nguyễn Thị Mỹ Linh |
| 16 | 64/BX.CHD.2014 | 2.076.000.000 | 1 năm | Bốc xếp Clinker | Cty CP đầu tư TM và vận tải Thiên Phúc |
| 17 | 29/TKBX.CHD.2014 | 447.600.000 | 1 năm | Bốc xếp, cho thuê kho Bột mì | Cty TNHH Bột mì Mekong |
| 18 | 48/BX.HD.2014 | 984.000.000 | 1 năm | Bốc xếp thiết bị, cọc bê tông | Cty TNHH MTV TM DV Tường Vy |
| 19 | 49/CTK.CHD.2014 | 2.142.000.000 | 2 năm | Bốc xếp, cho thuê kho, bãi thép xây dựng | Cty Liên doanh Thép Tây Đô |



| STT | Tên hợp đồng | Giá trị hợp đồng (VND) | Thời gian | Sản phẩm dịch vụ | Đối tác |
|-----|-----------------|------------------------|-----------|---|------------------------------------|
| 20 | 47/CTK.CHD.2014 | 1.704.000.000 | 2 năm | Cho thuê kho, bốc xếp thức ăn chăn nuôi | Cty TNHH Emivest Feedmill Việt Nam |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ, 2014)

10.11.- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần của Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ

Một số chỉ tiêu kết quả hoạt động SXKD trước khi cổ phần hóa

Đơn vị tính: Đồng

| CHỈ TIÊU | Tháng 11 + 12/2013 | Ước thực hiện năm 2014 |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 1. Tổng doanh thu | 10.740.123.956 | 82.480.475.978 |
| 2. Giá vốn hàng bán | 9.398.744.769 | 82.379.721.187 |
| 3. Lợi nhuận thực hiện | (965.433.740) | 100.754.791 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế | (965.433.740) | 100.754.791 |
| 5. Tổng số lao động (người) | 214 | 212 |
| 6. Thu nhập bình quân 1 người/tháng | 4.900.000 đồng/ người/tháng | 5.200.000 đồng/ người/tháng |

(Nguồn: BCTC KT năm 2013 và ước thực hiện năm 2014 Cảng Cần Thơ)

10.11.1.- Cơ cấu doanh thu

Sau sáp nhập, cơ cấu và tỷ trọng doanh thu khá ổn định, trong đó Dịch vụ bốc xếp vận tải chiếm tỷ trọng lớn nhất (hơn 60%), tiếp theo là Dịch vụ lưu kho/bãi (khoảng 16%), Dịch vụ cung ứng xăng dầu (13%) và Các dịch vụ phụ trợ khác. Cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng

| Doanh thu | Tháng 11+12/2013 | Tỷ lệ % | Ước thực hiện năm 2014 | Tỷ lệ % |
|----------------------|-----------------------|------------|------------------------|------------|
| Bốc xếp, vận tải | 6.894.202.906 | 64,19 | 49.763.740.754 | 60,33 |
| Dịch vụ kho bãi | 1.712.394.833 | 15,94 | 11.703.290.111 | 14,19 |
| Cung ứng xăng dầu | 1.380.506.678 | 12,85 | 10.223.739.478 | 12,40 |
| Hoạt động tài chính | 499.562.192 | 4,65 | 2.178.561.906 | 2,64 |
| Dịch vụ phụ trợ khác | 253.457.347 | 2,36 | 8.611.143.729 | 10,44 |
| Tổng cộng | 10.740.123.956 | 100 | 82.480.475.978 | 100 |

(Nguồn: BCTC KT năm 2013 và ước thực hiện năm 2014 Cảng Cần Thơ)



10.11.2.- Cơ cấu giá vốn – chi phí

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Giá vốn – Chi phí | Tháng 11+12/2013 | Tỉ lệ % | Ước thực hiện năm 2014 | Tỉ lệ % |
|--------------------|----------------------|------------|------------------------|------------|
| Giá vốn | 9.397.850.736 | 100 | 60.073.368.581 | 100 |
| Bốc xếp, vận tải | 6.006.346.634 | 63,91 | 43.670.043.450 | 72,69 |
| Lưu kho bãi | 1.204.300.505 | 12,81 | 2.426.300.450 | 4,04 |
| Cung ứng xăng dầu | 1.359.483.540 | 14,47 | 9.559.196.412 | 15,91 |
| Hoạt động khác | 827.720.057 | 8,81 | 4.417.828.269 | 7,35 |
| Chi phí | 2.806.383.039 | 100 | 22.306.352.606 | 100 |
| Chi phí bán hàng | 114.133.328 | 4,07 | 656.592.372 | 2,94 |
| Chi phí quản lý DN | 2.691.355.678 | 95,90 | 21.620.245.938 | 96,92 |
| Chi phí tài chính | 894.033 | 0,03 | 29.514.296 | 0,13 |

(Nguồn: BCTC KT năm 2013 và ước thực hiện năm 2014 Cảng Cần Thơ)

10.11.3.- Hoạt động đầu tư phát triển

Công ty luôn chú trọng đầu tư nâng cấp hạ tầng cảng, thiết bị và công cụ xếp dỡ đáp ứng kịp thời nhu cầu tăng sản lượng hàng hoá thông qua cảng trong những năm qua. Các dự án đầu tư đều được cân nhắc, tính toán kỹ về lộ trình, nguồn vốn sử dụng đảm bảo hiệu quả và không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sau khi hoàn thành giai đoạn 1, hiện Công ty đang triển khai dự án đầu tư Cảng Cái Cui giai đoạn 2 với tổng vốn đầu tư dự kiến là 700 tỷ đồng.

Tổng quan về dự án Cảng Cái Cui giai đoạn 2

| | |
|----------------------------|---|
| Địa điểm | 02 khu vực Phú Thặng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, nằm tại hạ lưu cách luồng Định An 55 hải lý |
| Diện tích | 39.365 ha |
| Mục tiêu dự án | Xây dựng cảng quốc tế với hệ thống bốc xếp container hiện đại, các cơ sở logistics và đầu mối thương mại, đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa bằng tàu biển có trọng tải lớn, phục vụ phát triển kinh tế xã hội của các tỉnh khu vực đồng bằng Sông Cửu Long và các nước hạ lưu sông Mekong |
| Độ sâu trước bến | -14m |
| Các hạng mục đầu tư | Xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kho bãi, dịch vụ logistic phục vụ cảng, hai cầu cảng có chiều dài tổng cộng 300m |



| | |
|--------------------------------|--|
| Năng lực | Sau khi hoàn thành, Cảng sẽ có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng 20.000 DWT, công suất khai thác ước tính 400.000 TEUs/năm |
| Tổng vốn đầu tư dự kiến | 700 tỷ đồng |

Cảng Cái Cui trong tương lai



10.12.- Cơ cấu tài sản, nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2013 | Tỉ lệ % | 09 tháng 2014 | Tỉ lệ % |
|-----------------------|------------------------|------------|------------------------|------------|
| Tài sản ngắn hạn | 34.743.044.799 | 12,04 | 41.968.350.938 | 14,48 |
| Tài sản dài hạn | 253.873.209.838 | 87,96 | 247.777.591.325 | 85,52 |
| Tổng tài sản | 288.616.254.637 | 100 | 289.745.942.263 | 100 |
| Nợ ngắn hạn | 38.565.269.213 | 13,36 | 41.150.179.411 | 14,20 |
| Nợ dài hạn | 2.620.069.723 | 0,91 | 3.142.092.360 | 1,08 |
| Vốn chủ sở hữu | 247.430.915.701 | 85,73 | 245.453.670.492 | 84,72 |
| Tổng nguồn vốn | 288.616.254.637 | 100 | 289.745.942.263 | 100 |

(Nguồn: BCTC KT năm 2013 và BCTC 09 tháng năm 2014 Cảng Cần Thơ)



PHẦN III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 574/QĐ-HHVN ngày 09/10/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ, kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2014 như sau:

- Giá trị thực tế Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2014 là **402.945.780.918 đồng** (Bốn trăm lẻ hai tỷ, chín trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, chín trăm mười tám đồng).

- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2014 là **284.813.128.155 đồng** (Hai trăm tám mươi tư tỷ, tám trăm mười ba triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, một trăm năm mươi lăm đồng)

- Trước thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013, Cảng Cần Thơ hoàn thành việc đối chiếu công nợ phải thu, phải trả. Phối hợp với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và các cơ quan có liên quan để thực hiện quyết toán Dự án Cảng Cái Cui giai đoạn 2 và xử lý các vấn đề khác có liên quan đến xác định giá trị doanh nghiệp.

Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2014

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Kết quả xác định |
|---|-------------------------|
| A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV) | 402.945.780.918 |
| I. TSCĐ và đầu tư dài hạn | 364.227.268.107 |
| 1. Tài sản cố định | 289.994.458.910 |
| <i>a. TSCĐ hữu hình</i> | <i>284.103.128.496</i> |
| <i>b. TSCĐ vô hình</i> | <i>5.891.330.414</i> |
| 2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 4.497.251.573 |
| 3. Chi phí XDCB dở dang | 66.808.767.786 |
| 4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn | 0 |
| 5. Chi phí trả trước dài hạn | 2.203.123.638 |
| 6. Các khoản phải thu dài hạn | 723.666.200 |
| II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn | 38.500.771.541 |
| 1. Tiền: | 9.811.980.183 |
| + <i>Tiền mặt tồn quỹ</i> | <i>104.957.000</i> |
| + <i>Tiền gửi ngân hàng</i> | <i>6.508.445.031</i> |



| Chỉ tiêu | Kết quả xác định |
|---|------------------------|
| + Các khoản tương đương tiền | 3.198.578.152 |
| 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 500.000.000 |
| 3. Các khoản phải thu | 25.053.112.710 |
| 4. Vật tư hàng hoá tồn kho | 478.824.183 |
| 5. TSLĐ khác | 2.316.051.388 |
| 6. Chi phí sự nghiệp | 0 |
| 7. Công cụ dụng cụ đã phân bổ hết giá trị còn sử dụng | 340.803.077 |
| III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp | 217.741.270 |
| IV. Giá trị quyền sử dụng đất | 0 |
| B. Tài sản không cần dùng (Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán) | 0 |
| I. TSCĐ và đầu tư dài hạn | 0 |
| 1. TSCĐ | 0 |
| 2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 0 |
| 3. Chi phí XDCB dở dang | 0 |
| 4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn | 0 |
| II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn: | 0 |
| 1. Công nợ không có khả năng thu hồi | 0 |
| 2. Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất | |
| C. Tài sản chờ thanh lý | 0 |
| I. TSCĐ và đầu tư dài hạn | 0 |
| II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn: | 0 |
| D. Tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng | 0 |
| TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D) | 402.945.780.918 |
| Trong đó: | |
| TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A) | 402.945.780.918 |
| E1. Nợ thực tế phải trả Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN: Không có | 118.132.652.763 |
| E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp | 0 |
| TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [A - (E1+E2)] | 284.813.128.155 |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ, 2014)



PHẦN IV. HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA, VỐN ĐIỀU LỆ, CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ, GIÁ KHỞI ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH CỔ PHẦN

1.- Mục tiêu cổ phần hóa

- Cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ nhằm mục tiêu chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu, tạo sự thay đổi cơ bản về tổ chức quản lý điều hành, mở rộng cơ hội tiếp cận với thị trường vốn, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh, năng lực công nghệ, hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Xây dựng Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ trở thành doanh nghiệp khai thác cảng với quy mô và hiệu quả hàng đầu khu vực. Cùng với sự giúp đỡ của các nhà đầu tư, Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ phấn đấu mở rộng mạng lưới khách hàng để có thể khai thác hiệu quả cơ sở vật chất thiết bị sẵn có và sẽ đầu tư sau này.

2.- Yêu cầu cổ phần hóa

- Huy động vốn của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp; của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để đầu tư phát triển doanh nghiệp.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm và vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

- Đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của Tổng công ty và các đơn vị thành viên sau cổ phần hóa.

- Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

3.- Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty đề xuất hình thức cổ phần hóa là **bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.**



4.- Vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ

Căn cứ theo Công văn số 2342/TTg-ĐMDN ngày 24/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cụ thể như sau:

| TT | Cổ đông | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (đồng) | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|-----|---------------------------|-------------------|------------------------|-------------------|
| 1 | Nhà nước (Vinalines) | 14.524.800 | 145.248.000.000 | 51,00 |
| 2 | Người lao động, trong đó: | 314.700 | 3.147.000.000 | 1,10 |
| 2.1 | Được mua ưu đãi | 237.600 | 2.376.000.000 | 0,83 |
| 2.2 | Đăng ký mua thêm | 77.100 | 771.000.000 | 0,27 |
| 3 | Cổ đông bên ngoài | 13.640.500 | 136.405.000.000 | 47,90 |
| | Tổng cộng | 28.480.000 | 284.800.000.000 | 100,00 |

5.- Phương thức phát hành cổ phần và giá khởi điểm

5.1.- Đối với cổ phần bán cho người lao động

Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tính đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (ngày 09/10/2014).

- Tổng số người lao động được mua cổ phần ưu đãi: 204 người.
- Tổng số năm làm việc trong khu vực nhà nước: 2.462 năm.
- Mỗi năm công tác của CBCNV trong khu vực nhà nước được mua 100 cổ phần.
- Bên cạnh đó, CBCNV sẽ được đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty.
- Tổng số cổ phần người lao động đăng ký mua: 314.700 cổ phần, chiếm 1,10% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Mua ưu đãi theo số năm công tác: 237.600 cổ phần, chiếm 0,83% vốn điều lệ. Giá chào bán: bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá bán cổ phần ra công chúng.
 - + Mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty: 77.100 cổ phần, chiếm 0,27% vốn điều lệ. Giá chào bán: giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá bán cổ phần ra công chúng.



5.2.- Đối với cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược

- Phương thức bán: trường hợp có 2 nhà đầu tư chiến lược trở lên và số cổ phần đăng ký mua lớn hơn số cổ phần có quyền bán cho nhà đầu tư chiến lược, phương thức bán cổ phần được thực hiện qua đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược.

- Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: Căn cứ điểm đ, khoản 3, điều 6, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ, giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược được thực hiện theo nguyên tắc:

+ Đối với trường hợp bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược sau khi đấu giá công khai thì giá bán do Ban Chỉ đạo cổ phần hóa thỏa thuận trực tiếp với các nhà đầu tư chiến lược nhưng không thấp hơn giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá công khai.

+ Đối với trường hợp thỏa thuận trực tiếp hoặc đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược có đủ tiêu chuẩn và đã thực hiện đăng ký mua trước khi thực hiện đấu giá công khai là giá thỏa thuận giữa các bên (trường hợp thỏa thuận) hoặc là giá đấu thành công (đối với trường hợp đấu giá) nhưng không thấp hơn giá khởi điểm đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa phê duyệt.

- Mục đích lựa chọn nhà đầu tư chiến lược: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ lựa chọn nhà đầu tư chiến lược mua cổ phần tại Cảng Cần Thơ khi cổ phần hóa là nhà đầu tư trong nước có uy tín, có năng lực tài chính, có cam kết gắn bó lâu dài với Công ty, có khả năng hỗ trợ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị, chuyển giao công nghệ,...

- Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược: Căn cứ theo Nghị quyết số 3218/NQ-HHVN ngày 12/9/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược để cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ bao gồm như sau:

+ Là nhà đầu tư hoạt động trong lĩnh vực: Quản lý, kinh doanh và khai thác cảng biển, tàu biển; Kinh doanh dịch vụ Logistics; Kinh doanh vận tải; Tổ chức tài chính, ngân hàng; Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ; Kinh doanh xuất nhập khẩu nông lâm thủy hải sản...; Khách hàng có hàng hóa xuất nhập khẩu qua Cảng Cần Thơ.

+ Có năng lực tài chính thể hiện ở các tiêu chí sau:

- Có tổng tài sản tối thiểu 50 tỷ đồng vào niên độ tài chính năm 2013.
- Có vốn chủ sở hữu tối thiểu 30 tỷ đồng vào niên độ tài chính năm 2013.
- Chứng minh đủ nguồn vốn góp.



- Sản xuất kinh doanh có lợi nhuận sau thuế dương trong 03 năm liên tiếp trước năm đăng ký tham gia nhà đầu tư chiến lược.

+ Có cam kết bằng văn bản về việc gắn bó lợi ích lâu dài với công ty cổ phần, hỗ trợ công ty cổ phần trong một số lĩnh vực: Chuyển giao những công nghệ mới; Quản lý, đào tạo nguồn nhân lực; Nâng cao năng lực tài chính; Quản trị doanh nghiệp; Cung ứng nguyên vật liệu; Phát triển thị trường khai thác cảng...

+ Không chuyển nhượng số cổ phần được mua trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) năm kể từ ngày công ty cổ phần được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận căn cứ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

+ Không thực hiện các giao dịch nào với công ty cổ phần dẫn đến xung đột lợi ích và tạo ra sự độc quyền hoặc cạnh tranh không lành mạnh với khách hàng, nhà đầu tư khác của công ty cổ phần.

- Số lượng Nhà đầu tư chiến lược tối đa: 03 Nhà đầu tư.

Hồ sơ đăng ký:

+ Văn bản đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược trong đó nêu rõ số cổ phần đăng ký mua.

+ Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

+ Bản thông tin giới thiệu kinh nghiệm, năng lực của nhà đầu tư.

+ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011, 2012, 2013.

- **Kết quả tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược:** Đến hết ngày 02/10/2014, Cảng Cần Thơ nhận được văn bản của 04 công ty đăng ký làm nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần khi cổ phần hóa Cảng Cần Thơ. Sau quá trình đàm phán, do tỷ lệ phần trăm vốn điều lệ bán cho nhà đầu tư chiến lược tại thời điểm cổ phần hóa Cảng Cần Thơ bị chi phối điều chỉnh bởi Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015 và Công văn số 2342/TTg-ĐMDN ngày 24/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015 nên không đáp ứng được mong muốn, nhu cầu của các nhà đầu tư (khẳng định chỉ tham gia làm nhà đầu tư chiến lược trong trường hợp phần vốn nhà nước nắm giữ không quá 49% vốn điều lệ và nhà đầu tư



tham gia với tỷ lệ 51% vốn điều lệ). Do đó, Cảng Cần Thơ không có cổ đông chiến lược.

5.3.- Đối với cổ phần thực hiện đấu giá công khai

- Số lượng cổ phần chào bán: **13.640.500** cổ phần, tương ứng tỷ lệ 47,90% vốn điều lệ.

- Phương thức chào bán: Bán đấu giá công khai qua Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Giá khởi điểm chào bán: **10.100** đồng/cổ phần.

Lộ trình thực hiện

| Nội dung công việc | Thời gian dự kiến (ngày làm việc) |
|---|--------------------------------------|
| Thời điểm phê duyệt Phương án cổ phần hóa | T |
| Công ty mở tài khoản phong tỏa tại ngân hàng thương mại | T + 5 |
| Ban Chỉ đạo cổ phần hóa phê duyệt Hồ sơ bán đấu giá cổ phần | T + 2 |
| Ký kết hợp đồng bán đấu giá với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | T + 3 |
| Thông báo đăng ký làm đại lý của Tổ chức thực hiện đấu giá | T + 3 |
| Đăng báo và công bố thông tin về bán đấu giá và Bản công bố thông tin | T + 5 |
| Tổ chức họp báo, công bố và giới thiệu thông tin về đợt bán cổ phần | Từ T + 10 đến T +15 |
| Phối hợp với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ chức tư vấn tổ chức buổi bán đấu giá | T + 25 |
| Nhận tiền thu từ bán cổ phần từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | T + 26 đến T + 32 |
| Thu tiền mua cổ phần của người lao động | T + 26 đến T + 32 |
| Ban Chỉ đạo cổ phần hóa xác định số tiền được để lại doanh nghiệp và khoản phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp khi cổ phần hóa (nếu có) | T + 34 |
| Chuyển tiền từ tài khoản phong tỏa về tài khoản của doanh nghiệp | T + 40 |

6.- Xử lý số lượng cổ phần không bán hết

Số lượng cổ phần không bán hết bao gồm:

- Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng thầu trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.



- Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.

- Số lượng cổ phần người lao động từ chối mua theo phương án đã được duyệt.

Trong trường hợp Cảng Cần Thơ có số lượng cổ phần không bán hết sau đợt chào bán này, số lượng cổ phần không bán hết sẽ được chào bán cổ phần lần 2. Trường hợp bán đấu giá lần 2 vẫn không bán hết số cổ phần chào bán, số lượng cổ phần không bán hết sẽ được xử lý theo các quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 và Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011.

7.- Kế hoạch sử dụng tiền thu từ đợt phát hành cổ phần

7.1.- Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần

Số tiền thu từ cổ phần hoá được xử lý như quy định tại khoản 1, Điều 42 và khoản 3, Điều 21 - Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011.

7.2.- Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành

| TT | Khoản mục chi phí | Giá trị (đồng) |
|-----------|--|-----------------------|
| 1 | Vốn điều lệ Công ty cổ phần | 284.800.000.000 |
| 2 | Vốn nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại | 284.813.128.155 |
| 3 | Vốn nhà nước tham gia vào Công ty cổ phần | 145.248.000.000 |
| 4 | Vốn nhà nước bán ra bên ngoài | 136.405.000.000 |
| 5 | Tiền thu từ cổ phần hóa (dự kiến) | 139.987.616.000 |
| 5.1 | Thu từ bán cổ phần cho người lao động | 1.439.856.000 |
| 5.2 | Thu từ bán cổ phần cho người lao động đăng ký mua thêm | 778.710.000 |
| 5.3 | Thu từ bán cổ phần ra bên ngoài thông qua đấu giá | 137.769.050.000 |
| 6 | Giá trị cổ phần theo mệnh giá bán cho người lao động, bán đấu giá ra bên ngoài | 139.552.000.000 |
| 7 | Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm (5) = (1) - (2) | (13.128.155) |
| 8 | Chi phí cổ phần hóa | 1.105.500.000 |
| 9 | Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư | 205.695.950 |
| 10 | Thặng dư vốn chuyển về nhà nước (10) = (5) - (7) - (8) - (9) | 138.689.548.205 |



Ghi chú:

- Việc tính toán trên dựa theo các giả định các đối tượng được chào bán mua hết số cổ phần. Giá bán dự kiến tạm tính theo giá khởi điểm là **10.100** đồng/CP.

- Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư được chi trả từ nguồn bán cổ phần.

8.- Chi phí cổ phần hóa dự kiến

Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ trình Tổng công ty Hàng hải Việt Nam phê duyệt chi phí cổ phần hóa như sau:

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung công việc | Số tiền (đồng) |
|----------|--|--------------------|
| 1 | Chi phí cho việc tập huấn nghiệp vụ cho cổ phần hóa doanh nghiệp; Chi phí Đại hội công nhân viên chức để triển khai cổ phần hóa; Chi phí hoạt động tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp | 5.000.000 |
| 2 | Chi phí thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp | 192.500.000 |
| 3 | Chi phí xây dựng phương án cổ phần hóa, xây dựng Điều lệ; Chi phí đại hội cổ đông lần đầu thành lập công ty cổ phần | 149.000.000 |
| 3,1 | Chi phí tư vấn và xây dựng lập Phương án cổ phần hóa | 50.000.000 |
| 3,2 | Chi phí tư vấn và bán đấu giá cổ phần | 55.000.000 |
| 3,3 | Tổ chức đại hội cổ đông lần đầu | 27.500.000 |
| 3,4 | Đăng công bố thông tin bán đấu giá trên báo chí | 16.500.000 |
| 4 | Chi phí đấu giá trả cho Sở GDCK (Theo giá Sở giao dịch CK mức phí 0,3% giá trị cổ phần thực tế bán được, tối đa không nhiều hơn 300 triệu)(chưa bao gồm bảo lãnh phát hành cho doanh nghiệp cổ phần hóa) | 300.000.000 |
| 5 | Thù lao Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ (09 tháng x 14 người x mức chi thù lao 2.000.000đ/người); (04 tháng x 01 người x mức chi thù lao 2.000.000đ/người) | 260.000.000 |



| STT | Nội dung công việc | Số tiền (đồng) |
|-----|---|----------------------|
| 6 | Thù lao Thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ (09 tháng x (16 người - 02 người hưởng mức thù lao tham gia BCD) x mức chi thù lao 1.500.000đ/người) | 189.000.000 |
| 7 | Các chi phí khác có liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp bằng 5% tổng mức chi phí cổ phần hóa tối đa theo quy định tại khoản 4 điều 12 Thông tư 196/2011/TT-BTC. | 10.000.000 |
| | Tổng cộng | 1.105.500.000 |

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ)

Ghi chú: Các mức phí nêu trên đã bao gồm thuế VAT.

PHẦN V. DỰ THẢO ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ sau khi cổ phần hóa được đính kèm trong Hồ sơ cổ phần hóa.

PHẦN VI. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG

1.- Kế hoạch sắp xếp lao động

Tổng số lao động có tên trong danh sách người lao động thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 09/10/2014 là 212 người, trong đó không có người nào hết hạn hợp đồng lao động, 01 người đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ hiện hành và có 03 người là lao động dôi dư. Công ty sẽ giải quyết chế độ trợ cấp, phụ cấp cho 03 lao động này theo quy định hiện hành và chuyển 208 lao động còn lại sang làm việc tại Công ty cổ phần sau khi cổ phần hóa.

2.- Kế hoạch xử lý lao động

Trên cơ sở nhận định về quy mô thị trường và năng lực khai thác, Công ty dự kiến sử dụng lại toàn bộ nguồn lao động sẵn có tại Công ty. Các chính sách và chế độ cho người lao động sau khi Công ty cổ phần hóa sẽ tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành.

3.- Kế hoạch tuyển dụng

Trong tương lai, Công ty bổ sung lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao nhằm thay thế một phần lao động giảm tự nhiên đồng thời thu hút thêm nguồn lực chất



xám phục vụ cho quá trình phát triển của Công ty trong giai đoạn mới. Kế hoạch tuyển dụng trong tương lai của Công ty dự kiến như sau:

Kế hoạch lao động trong quá trình tái cơ cấu từ nay đến năm 2018

Đơn vị tính: Người

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|---------------------------|----------|----------|----------|----------|
| Số lượng lao động dự kiến | 212 | 222 | 238 | 260 |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ)

PHẦN VII. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT

1.- Tình hình sử dụng đất tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Tính đến thời điểm ngày 01/01/2014, Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ đang quản lý tổng diện tích là 313.284,9 m² (tương đương 31,3 ha).

Ngày 20/10/2014 Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ đã được UBND Thành phố Cần Thơ thống nhất phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ với tổng diện tích là 313.284,9m² theo văn bản số 5426/UBND-KT của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ.



2.- Phương án sử dụng đất sau cổ phần hóa

| TT | Tên địa chỉ lô đất | Tổng diện tích lô đất (m ²) | Công trình trên đất | Hình thức sử dụng & Pháp lý | Thời gian giao cho thuê đất | Mục đích sử dụng đất hiện tại | Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa |
|-------------------------------|---|---|------------------------------|---|-----------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|
| I. Đất Cảng Hoàng Diệu | | | | | | | |
| 1 | Khu đất tại khu vực 3, đường Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. | 3.729,4 | Bãi hậu phương | - Thuê đất trả tiền hàng năm; - Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; | 50 năm từ năm 2009 | Làm bãi hậu phương Cảng Cần Thơ | Làm bãi hậu phương Cảng Cần Thơ |
| 2 | Khu đất tại số 27 đường Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ | 28.764,1 | Kho, bãi sản xuất kinh doanh | - Thuê đất trả tiền hàng năm; - Quyết định số 1786/QĐ.CTHC.97 ngày 22/7/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Quyết định số 2119/QĐ.UB ngày 21/6/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/12/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Hợp đồng thuê đất số 53/HĐTĐ ngày 11/10/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường. | 30 năm từ năm 1997 | Hoạt động kinh doanh | Hoạt động kinh doanh |
| 3 | Khu đất tại đường Lê Hồng Phong, phường | 29.342 | Nhà văn phòng, bãi | - Thuê đất trả tiền hàng năm; - Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/12/1999 | 42 năm 4 tháng từ | Hoạt động kinh doanh | Hoạt động kinh doanh |



| TT | Tên địa chỉ lô đất | Tổng diện tích lô đất (m ²) | Công trình trên đất | Hình thức sử dụng & Pháp lý | Thời gian giao cho thuê đất | Mục đích sử dụng đất hiện tại | Phương án sử dụng đất khi cổ phần hoá |
|----|--|---|---------------------|--|-----------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|
| | Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ | | chứa hàng | của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 07/9/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 09/9/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/8/2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Hợp đồng thuê đất số 52/HĐTD ngày 11/10/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường. | năm 2007 | | |
| 4 | Khu đất tại Cạnh 129/03/19 đường Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ | 48 | Bãi hậu phương | - Đất giao có thu tiền thuê đất; - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa số 67 tờ bản đồ số 54 ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ. | 50 năm từ năm 2009 | Hoạt động kinh doanh | Hoạt động kinh doanh |
| 5 | Khu đất mặt nước tại phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ | 6.000 | | - Thuê đất, mặt nước trả tiền thuê hàng năm; - Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 14/8/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Hợp đồng thuê đất số 104/HĐTD ngày 22/10/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường. | Thuê đất, mặt nước hàng năm | Thuê đất, mặt nước trả tiền hàng năm. | Thuê đất, mặt nước trả tiền hàng năm. |
| 6 | Khu đất tại Phường Trà An. Quận Bình Thủy. Thành phố Cần Thơ | 1.485,3 | | - Thuê đất, mặt nước trả tiền thuê hàng năm; - Quyết định số 2383/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải | 20 năm | Thuê đất, mặt nước trả tiền hàng năm. | Thuê đất, mặt nước trả tiền hàng năm. |



| TT | Tên địa chỉ lô đất | Tổng diện tích lô đất (m ²) | Công trình trên đất | Hình thức sử dụng & Pháp lý | Thời gian giao cho thuê đất | Mục đích sử dụng đất hiện tại | Phương án sử dụng đất khi cổ phần hoá |
|-----------------------------|--|---|------------------------------------|---|-----------------------------|--|--|
| | | | | Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ thuê đất, mặt nước để neo đậu các phương tiện thủy tại phường Trà An, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. - Hợp đồng thuê đất, mặt nước số 110/HĐTĐ-2013 ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường. | | | |
| II. Đất Cảng Cái Cui | | | | | | | |
| 7 | Khu đất tại số 02 KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ | 218.624 | Văn phòng trụ sở công ty, kho, bãi | - Thuê đất trả tiền hàng năm; - Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 18/6/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Hợp đồng thuê đất số 380/HĐTĐ ngày 24/9/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường. | 50 năm từ 2007 | Hoạt động kinh doanh khai thác cảng và cung ứng dịch vụ hàng hải | Hoạt động kinh doanh khai thác cảng và cung ứng dịch vụ hàng hải |
| 8 | Khu đất tại phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ | 25.292,1 | Văn phòng, nhà kho, bãi | - Thuê đất trả tiền hàng năm. - Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; - Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTĐ ngày 14/9/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường. | Thuê hàng năm từ 2012 | Mở rộng hoạt động Cảng Cái Cui | Mở rộng hoạt động Cảng Cái Cui |

(Nguồn: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ)



PHẦN VIII. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 4 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA

1.- Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

1.1.- Thông tin doanh nghiệp

| | |
|---------------------------|--|
| - Tên gọi đầy đủ: | Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ |
| - Tên giao dịch quốc tế: | Can Tho Port Joint Stock Company |
| - Tên viết tắt: | Cảng Cần Thơ/Can Tho Port |
| - Loại hình doanh nghiệp: | Công ty cổ phần |
| - Vốn điều lệ | 284.800.000 đồng (Hai trăm tám mươi bốn tỷ tám trăm triệu đồng) |
| - Địa chỉ giao dịch: | Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam |
| - Điện thoại: | 07106 516 483 |
| - Fax: | 07106 917 395 |
| - Website: | www.canthoport.com.vn |
| - Logo: | |

1.2.- Hình thức pháp lý

Công ty có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ; Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản pháp lý khác liên quan, được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

1.3.- Ngành nghề kinh doanh

1.3.1.- Ngành nghề kinh doanh chính gồm:

- Bốc xếp hàng hóa.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải: Môi giới thuê tàu biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ giao nhận – kiểm đếm – nâng hạ hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan.

1.3.2.- Ngành nghề kinh doanh liên quan:

- Vận tải hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy.
- Cho thuê kho bãi, văn phòng.



- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Sửa chữa và dịch vụ vệ sinh container.
- Giáo dục nghề nghiệp.
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá.

1.3.3.- Các ngành nghề kinh doanh khác được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

1.3.4.- Các ngành nghề kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh chi tiết sẽ được cụ thể hóa trong Điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.

1.4.- Cơ cấu tổ chức sau cổ phần hóa

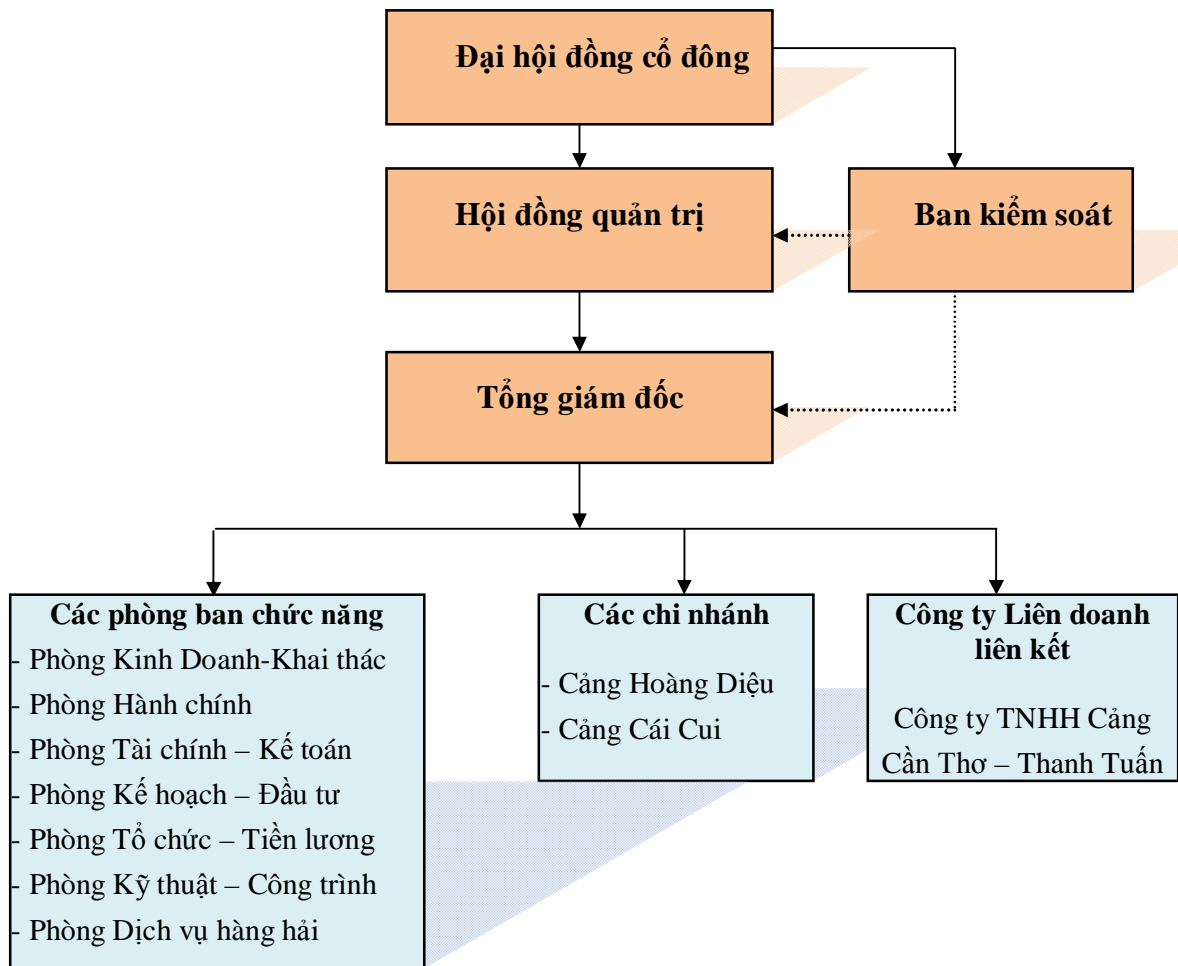
Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý trực tiếp tại Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật và có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát: do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; thông báo kết quả kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Tổng giám đốc: Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các nhiệm vụ khác theo điều lệ Công ty. Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các phòng ban chức năng: Các phòng, ban chức năng sau khi cổ phần hóa sẽ không thay đổi so với trước cổ phần hóa. Tuy nhiên, tùy từng thời điểm Công ty sẽ xem xét thay đổi cơ cấu tổ chức các phòng ban phù hợp với tình hình hoạt động và xu thế phát triển của các doanh nghiệp.



2.- Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

2.1.- Tình hình vĩ mô

- Việt Nam là nước đang trong giai đoạn phát triển với một thể chế chính trị ổn định và hệ thống cơ sở hạ tầng đang trong quá trình đầu tư xây dựng. Tình hình kinh tế chính trị thế giới trong những năm gần đây có nhiều biến động phức tạp, tác động không nhỏ đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Tuy vậy bằng các nhóm giải pháp đồng bộ, Chính phủ đã kịp thời thực hiện các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, dần tháo gỡ những khó khăn đang diễn ra, thúc đẩy hoạt động sản xuất, tái cấu trúc hệ thống tài chính, kiểm soát chặt chẽ những biến động về lãi suất, đẩy mạnh công tác cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam năm 2014, theo báo cáo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) sẽ đạt mức 5,3% cao hơn năm 2013 là 5,03%.

- Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước trong 7 tháng năm 2014 đạt 83,5 tỷ USD, tăng 14,1% so với tháng trước, bao gồm: Khu vực kinh tế trong nước đạt 27,7 tỷ USD, tăng 12,2% và chiếm 33,2% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu; khu vực có



vốn đầu tư nước ngoài (kể cả đầu thô) đạt 55,8 tỷ USD, tăng 15%. Dự báo trong thời gian tới, các hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ tiếp tục có chiều hướng tăng trưởng, đây là nguồn phát triển lớn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, vận tải và đặc biệt là cảng biển.

2.2.- Triển vọng phát triển của ngành

- Là quốc gia ven biển, nằm trên tuyến vận tải biển quốc tế sôi động, Việt Nam có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế biển, nhất là cảng biển, vận tải và dịch vụ, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội bền vững. Theo Nghị quyết của Trung ương Đảng, mục tiêu sau năm 2020, ngành kinh tế hàng hải Việt Nam sẽ cố gắng đứng đầu trong các ngành kinh tế biển, đóng góp từ 53-55% GDP cả nước.

- Bên cạnh đó, trong lần rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 vừa qua, Bộ Giao thông vận tải vẫn xác định sẽ tập trung phát triển hệ thống cảng biển, nhanh chóng hội nhập với các nước tiên tiến trong khu vực, phát triển hợp lý các cảng tổng hợp quốc gia, cảng chuyên dùng, cảng địa phương nhằm đảm bảo tính thống nhất trong toàn hệ thống. Theo dự kiến, đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 sẽ đầu tư đồng bộ, hiện đại hệ thống cảng biển và luồng vào cảng, tiếp tục chú trọng nâng cấp các cảng hiện có nhằm khắc phục tình trạng yếu kém về chất lượng và lạc hậu về khoa học công nghệ.

2.3.- Thuận lợi

- Cảng Cần Thơ là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (loại I) nằm ở vị trí chiến lược trọng yếu của vùng ĐBSCL ngay trên Sông Hậu, với lợi thế về quy mô, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, lực lượng lao động. Cảng Cần Thơ nhận được rất nhiều sự quan tâm, ưu đãi, tạo điều kiện phát triển từ Lãnh đạo Đảng, Chính phủ, các Bộ, ban ngành Trung ương và chính quyền thành phố Cần Thơ.

- Bên cạnh đó là sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Công ty mẹ là Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Cảng Cần Thơ được định hướng là cảng tổng hợp có chiến lược phát triển hiện đại, trong đó hoạt động trọng tâm là kinh doanh cảng biển, ngoài ra tận dụng thế mạnh về kho bãi Cảng Cần Thơ sẽ phát triển kinh doanh kho bãi và dịch vụ Logistics.

- Lãnh đạo, Đảng ủy, Công đoàn Công ty quyết tâm đổi mới, đoàn kết khắc phục khó khăn, thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định của Chính phủ, ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.



- Tập thể người lao động trong toàn Công ty ngày càng đoàn kết tự tin hơn, hầu hết các cán bộ công nhân viên đều phấn khởi trước những thành công mà Cảng đã đạt được trong suốt những năm vừa qua và nhiệt tình ủng hộ chủ trương cổ phần hóa Công ty.

- Những kết quả đạt được trong hoạt động đầu tư phát triển và đổi mới doanh nghiệp trong những năm gần đây về đầu tư cầu tàu, kho bãi, thiết bị làm hàng, đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật v.v..là một động lực lớn thúc đẩy Công ty quyết tâm đổi mới.

- Là doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác cảng, Cảng đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác thuận lợi với các tổ chức tín dụng, khách hàng truyền thống, các cơ quan quản lý.

- Chính sách đổi mới của Nhà nước trong công tác quản lý đầu tư tín dụng ngày càng thông thoáng cũng là thuận lợi cho Cảng quyết tâm chuyển đổi mô hình tổ chức, đầu tư mạnh mẽ hơn để nhanh chóng tích tụ nội lực khi Việt Nam hội nhập toàn cầu.

- Chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện của đất nước trong các năm qua đã đem đến cho Công ty các cơ hội hợp tác và phát triển thị trường cũng như việc thực hiện liên doanh liên kết với các Cảng trong khu vực, tận dụng hết khả năng, kinh nghiệm và trang thiết bị bốc xếp.

- Sự thay đổi cơ chế hoạt động từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần sẽ tạo thêm động lực phát triển cho Công ty. Công ty sẽ chủ động hơn trong định hướng chiến lược phát triển, đầu tư cơ sở hạ tầng, bố trí lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và huy động vốn theo quy định của pháp luật.

- Người lao động sẽ là người chủ thực sự của Công ty, có lợi ích gắn liền với sự tồn tại và phát triển của Công ty từ đó có ý thức hơn trong lao động sản xuất, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ có khả năng huy động tối đa các nguồn lực vật chất, trí tuệ của các cổ đông, linh hoạt và chủ động sản xuất kinh doanh.

- Công tác quản lý, việc phân phối thu nhập ở Công ty cổ phần được đổi mới sẽ tạo động lực thúc đẩy cán bộ công nhân viên nỗ lực lao động sản xuất, mang lại hiệu quả cao cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kênh Quan Chánh Bó, luồng Định An được các cơ quan chức năng nạo vét tạo điều kiện cho tàu có trọng tải tương đương 20.000 DWT có thể cập cảng, mang đến cơ hội to lớn cho Công ty trong việc thay đổi cơ cấu khách hàng, phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi.



2.4.- Khó khăn

- Về năng lực kết nối giao thông thủy: hiện tại, Luồng Định An, Kênh Quan Chánh Bồ vẫn đang trong quá trình thực hiện dự án, các tàu có trọng tải từ 5.000 DWT trở lên phải giảm tải trước khi đến các cảng trên sông Hậu nên chi phí vận tải hàng hóa, nhất là hàng hóa xuất nhập khẩu còn cao; gây ra một số khó khăn cho các doanh nghiệp trong vùng khi thực hiện hoạt động chuyên tải hàng hóa xuất nhập khẩu không chỉ tại Cảng Cần Thơ mà còn tại các cảng khác trong khu vực ĐBSCL.

- Cơ sở hạ tầng ngoài Cảng chưa thật sự thông suốt, tiến độ xây dựng và đầu tư các khu công nghiệp liền kề như Hưng Phú 1, Hưng Phú 2, Sông Hậu, Tân Phú còn chậm, lượng hàng hóa thông qua hệ thống Cảng còn hạn chế, chưa tạo được hậu phương vững chắc cho Cảng. Bên cạnh đó, trong khu vực có nhiều cảng và bến bốc xếp ra đời, đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh bốc xếp của tư nhân phát triển gây sức ép cạnh tranh về giá và buộc phải các cảng phải chia sẻ thị trường.

- Ngoài ra, Cảng Cái Cui đang trong quá trình đầu tư xây dựng, hạ tầng cơ sở Cảng chưa thật sự hoàn chỉnh, chưa trang bị đầy đủ các trang thiết bị bốc xếp chuyên dụng cho hàng container từ các tàu lớn, hệ thống kho bãi, các hạng mục xây dựng như đường giao thông trong khu vực cảng, kho CFS, các công trình phụ trợ còn dở dang, nên việc khai thác Cảng chưa hiệu quả.

- Chi phí sản xuất lớn, phải cạnh tranh về giá cước với các Cảng trong khu vực nên khó khăn trong việc tạo ra doanh thu, nguồn vốn tích lũy để tái đầu tư.

- Giá vật tư nguyên liệu, chi phí xăng dầu ngày càng tăng gây ảnh hưởng đến giá thành sản xuất.

- Chuyển sang Công ty cổ phần với áp lực phải hoạt động thật hiệu quả vì lợi ích của các cổ đông nên yêu cầu đặt ra đối với Công ty là phải sử dụng thật hợp lý và hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty.



2.5.- Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và các giải pháp thực hiện

2.5.1.- Kế hoạch sản xuất kinh doanh 4 năm sau cổ phần hóa

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Đ.vị tính | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|-----|----------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1 | Vốn điều lệ | Triệu đồng | 284.800 | 284.800 | 284.800 | 284.800 |
| 2 | Tổng tài sản | Triệu đồng | 388.473 | 374.383 | 360.584 | 346.986 |
| 3 | Sản lượng thực hiện | Tấn | 2.722.294 | 3.882.701 | 5.119.251 | 6.403.316 |
| - | Xuất ngoại | Tấn | 159.109 | 1.050.116 | 1.932.214 | 2.434.589 |
| - | Nhập ngoại | Tấn | 278.735 | 822.268 | 1.397.856 | 2.376.355 |
| - | Nội địa | Tấn | 2.284.450 | 2.010.316 | 1.789.181 | 1.592.372 |
| - | Container | Teus | 26.000 | 36.000 | 65.000 | 104.000 |
| 4 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 109.487 | 157.227 | 212.432 | 268.380 |
| - | Hoạt động bốc xếp hàng hóa | Triệu đồng | 64.150 | 96.069 | 132.998 | 174.676 |
| - | Hoạt động cho thuê kho bãi | Triệu đồng | 18.981 | 21.652 | 24.475 | 26.849 |
| - | Doanh thu khác | Triệu đồng | 25.602 | 38.404 | 53.765 | 65.593 |
| - | Doanh thu tài chính | Triệu đồng | 754 | 1.102 | 1.194 | 1.262 |
| 5 | Tổng chi phí | Triệu đồng | 102.982 | 137.889 | 185.686 | 233.488 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 5.204 | 15.471 | 21.397 | 27.914 |
| 7 | Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ | % | 1.83 | 5.43 | 7.51 | 9.80 |
| 8 | Lãi cơ bản/1 cổ | đồng | 183 | 543 | 751 | 980 |



| STT | Chỉ tiêu | Đ.vị tính | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|-----|-----------------------------------|--------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| | phiếu (EPS) | | | | | |
| 9 | Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ | % năm | 0% | 3% | 5% | 7% |
| 10 | Lao động bình quân | Người | 212 | 222 | 238 | 260 |
| 11 | Thu nhập bình quân/người/tháng | Đồng | 6.000.000 | 7.000.000 | 8.000.000 | 9.000.000 |

Lưu ý:

- Chi tiết về dự phóng doanh thu được thể hiện trong phụ lục đính kèm.
- Công ty sẽ tiến hành chia cổ tức ở mức cao hơn nếu tình hình sản xuất kinh doanh thuận lợi.

2.5.2.- Cơ sở thực hiện kế hoạch kinh doanh

- **Triển vọng về các hoạt động kinh doanh của Công ty:** Doanh thu của Công ty dự kiến tăng mạnh, trong đó, hoạt động bốc xếp và các dịch vụ cung ứng hàng hải của Công ty được dự báo sẽ phát triển đột phá trong thời gian tới. Với các lý do sau:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp trong vùng trong thời gian tới đã có dấu hiệu hồi phục; dự kiến lượng hàng hóa vận tải nội địa và xuất nhập khẩu (chủ yếu vẫn là hàng rời, hàng bao: lúa, gạo, clinker,...) thông qua khu vực Vàm Cái Sắn, Hòn Chông Kiên Giang và các bến phao của Công ty tại khu vực sông Hậu sẽ gia tăng nhanh chóng trong thời gian tới.

+ Công ty đã ký kết được hợp đồng cung ứng dịch vụ bốc xếp trang thiết bị, quặng, hàng rời cho các dự án lớn, các doanh nghiệp có tên tuổi trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và Hà Tĩnh như: Dự án Điện gió Bạc Liêu, Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên hải, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú, Công ty TNHH Gang Thép Formosa Hà Tĩnh tại dự án Nhà máy Gang Thép Formosa Hà Tĩnh, Công ty TNHH Giấy Lee&Man tại dự án Nhà máy Giấy Lee&Man Hậu Giang..v.v.. Tính riêng đối với hợp đồng bốc xếp than đá phục vụ cho nhà máy nhiệt điện thuộc dự án nhà máy giấy Lee&Man Hậu Giang đã có sản lượng 3.000tấn/ngày.

+ Ngoài ra, công ty sẽ tiên phong tham gia thực hiện bốc xếp chuyển tải hàng hóa xuất nhập khẩu (chủ yếu là hàng rời, quặng, hàng bao) từ các tàu biển lớn (50.000 DWT trở lên) neo đậu tại khu vực phao 0 của Luồng Định An sang các phương tiện thủy nhỏ hơn phù hợp với thiết kế luồng để chuyên chở hàng hóa vào các dự án, công trình, nhà máy lớn trong vùng đồng bằng Sông Cửu Long và chuyển tải sang Vương



quốc Campuchia. Đây là giải pháp quan trọng nhằm hóa giải một phần “nút thắt” giới hạn của luồng dẫn vào các cảng trên sông Hậu trong nhiều năm qua.

+ Công ty đã ký hợp đồng bốc xếp cho hàng hóa cho Nhà máy Giấy Lee&Man Hậu Giang sau khi nhà máy đi vào hoạt động vào cuối năm 2015; dự kiến sản lượng năm 2016 đạt 2.000 TEUs/tháng, năm 2017 đạt 4.000 TEUs/tháng, năm 2018 đạt 8.000 TEUs/tháng, năm 2019 đạt 16.000 TEUs/tháng và năm 2020 đạt 20.000 TEUs/tháng.

+ Công ty hiện đang huy động mọi nguồn lực nhanh chóng thiết lập tuyến vận tải container quốc tế Phnompenh (Campuchia) – Cần Thơ - qua luồng Định An – Cái Mép Vũng Tàu bằng phương tiện thủy lớn (trước tiên sử dụng sà lan 150 TEUs; tương lai sử dụng tàu 500 – 1000 TEUs sau khi kênh Quan Chánh Bó thông luồng trong năm 2015) để vận chuyển hàng hóa từ nội địa Campuchia và đồng bằng sông Cửu Long đến Cảng quốc tế Cái Mép (Vũng Tàu) và ngược lại vận chuyển hàng hóa của vùng đồng bằng Sông Cửu Long và Việt Nam xuất khẩu sang Campuchia. Đây là giải pháp quan trọng nhằm thay thế phương pháp vận tải nhỏ lẻ truyền thống hàng hóa xuất nhập khẩu của vùng đồng bằng sông Cửu Long như hiện nay nhờ vào hiệu quả kinh tế (sử dụng sà lan, tàu từ 150TEUs-500 TEUs thay cho sà lan nhỏ 72 TEUs trở lại trên đường thủy và xe container trên đường bộ); đồng thời góp phần thực hiện chủ trương giảm tải hàng hóa trên đường bộ, giảm thiểu phương tiện cơ giới trên đường, giảm nguy cơ tai nạn giao thông do xung đột giữa các phương tiện, đồng thời bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Theo thống kê 80% lượng hàng hóa xuất khẩu của vùng đồng bằng Sông Cửu Long được vận chuyển bằng các phương tiện thủy nhỏ và xe container qua hệ thống sông Tiền, do đó đây là nguồn hàng rất lớn, tiềm năng cho tuyến vận tải container quốc tế qua Cảng Cần Thơ nói trên. Ngoài ra, theo công bố tại website của Cảng Phnom Penh thì khối lượng container thông qua vào năm 2013 đạt 104.100 Teus tương đương 1.457.400 tấn; dự kiến năm 2014 sẽ đạt 135.000 Teus tương đương 1.890.000 tấn.

- **Thay đổi mô hình hoạt động:** Cổ phần hóa mang lại lợi ích Công ty trong công tác quản trị điều hành, kiểm soát chi phí, giảm thiểu giá vốn, tăng lợi nhuận.

- **Thay đổi tích cực từ việc khơi thông luồng Định An, kênh Quan Chánh Bó:** Theo thống kê của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ (2013), hiện 15 bến cảng tại ĐBSCL chỉ mới khai thác từ 20% đến dưới 50% công suất. Vì thế, khi công tác nạo vét luồng Định An, dự án kênh Quan Chánh Bó được hoàn thành năm 2015 theo cam kết của Chính phủ sẽ khai thông ách tắc cho tuyến lưu thông đường thủy quan trọng nhất khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, các tàu có tải trọng 10.000 - 20.000 DWT có thể cập bến làm cơ sở cho việc phát triển hạ tầng bến cảng trên sông Hậu, tạo sự thay đổi to lớn đối với việc phát triển kinh doanh của các Cảng trong khu vực.

- **Sự ủng hộ từ cơ quan chức năng:** Theo định hướng của thành phố Cần Thơ, Cảng Cần Thơ một trong những hạt nhân phát triển kinh tế chính của thành phố trong



tương lai, vì thế thành phố sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ Công ty phát triển về các hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.5.3.- Các giải pháp thực hiện

2.5.3.1.- Giải pháp về sản xuất kinh doanh

- Tận dụng ưu thế khi Chính phủ thắt chặt các quy định, yêu cầu về tải trọng, khổ giới hạn, các phương tiện vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạnh cho vận tải đường thủy.

- Triển khai phát triển đồng bộ cảng biển với cơ sở hạ tầng kết nối cảng và dịch vụ sau cảng; nâng cao chất lượng dịch vụ logistics phục vụ vận tải thuận lợi, tổ chức hiệu quả quá trình vận tải trong khu vực; giảm thời gian, chi phí vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu thay vì tiếp chuyển hàng hóa trong khu vực đồng bằng Sông Cửu Long qua nhóm cảng biển số 5 như trước đây (Hàng năm, lưu lượng hàng hóa vận chuyển qua khu vực ĐBSCL đạt 51.5 triệu tấn).

- Thực hiện chiến lược tập trung khác biệt hóa. Theo thể mạnh nội tại và đặc điểm môi trường bên ngoài của hai Cảng Chi nhánh, Công ty lựa chọn phát triển Cảng Cái Cui thành cảng container chuyên dụng, Cảng Hoàng Diệu thành cảng tổng hợp bốc dỡ hàng rời và hàng bao.

- Tạo ra sự khác biệt trong chất lượng dịch vụ bằng cách: nâng cao công tác quản lý - tổ chức kho hàng, cải thiện phương thức sắp xếp bốc dỡ; nhằm tăng công suất chứa hàng tận dụng hơn nữa diện tích kho; rút ngắn thời gian bốc xếp giúp cho hàng hóa thông qua Cảng được nhanh chóng với mức giá hợp lý.

- Phát triển dịch vụ logistics phục vụ trọn gói cho khách hàng bằng cách xây dựng kho ngoại quan CFS, đầu tư phương tiện vận chuyển container đến tận nhà máy của khách hàng, ứng dụng phần mềm quản lý khai thác; xây dựng các mối liên kết với các cảng xung quanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kênh vận chuyển hàng hóa thông suốt đến các cảng địa phương ở khu vực ĐBSCL đi trực tiếp đến cụm cảng Cái Mép - Vũng Tàu vận chuyển ra quốc tế.

2.5.3.2.- Giải pháp về đầu tư

- Sau cổ phần hóa, Công ty tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ ở hai Cảng Hoàng Diệu và Cái Cui nhằm phát huy tối đa vị thế Công ty tại khu vực. Tìm kiếm đối tác thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư, nâng cao năng lực bốc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hàng hải. Việc đầu tư này có tính chất trọng yếu và tiên quyết khi luồng Định An và kênh Quan Chánh Bồ được khai thông vào năm 2015.



- Trong ngắn hạn, năm 2015, Công ty dự tính sẽ đầu tư hai cầu Gantry chạy ray thúc đẩy việc bốc xếp hàng container, cùng với đó là hai xe chụp Reachstacker (một xe 40 tấn và một xe 12 tấn) chạy trên bãi và đầu tư 30.000m² bãi container chứa hàng theo hình thức liên danh kêu gọi nhà đầu tư cùng tham gia góp vốn. Bên cạnh đó, Công ty cũng sẽ lên kế hoạch xây dựng thêm kho CFS dùng để gom hàng lẻ, hàng rời đóng container. Định hướng đến năm 2017, Công ty sẽ xây dựng thêm một bãi chứa container với diện tích 70.000m², nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ kho bãi.

- Về dài hạn, khi dự án đầu tư giai đoạn 2 Cảng Cái Cui hoàn thành, dự kiến Cảng Cái Cui sẽ có hệ thống bốc xếp container hiện đại, có thể tiếp nhận các tàu có trọng tải 10.000 đến 20.000 DWT. Sản lượng bốc xếp của Công ty theo ước tính có thể đạt mức 5.5 triệu tấn hàng hóa vào năm 2017.

2.5.3.4.- Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Sau cổ phần hóa, Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần nhằm khai thác triệt để các chức năng ngành nghề hiện có, rà soát lại đội ngũ nhân sự, tái cấu trúc các phòng ban đáp ứng nhu cầu hoạt động trong tình hình mới, theo hướng hiện đại, tinh gọn, hiệu quả, hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, chuyển sang lực lượng lao động trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh, phát huy tối đa năng lực từng cá nhân.

- Xây dựng các tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự phù hợp với từng vị trí công tác mới, xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn, tâm huyết, nhiệt tình trong công tác, dần trẻ hóa lực lượng lao động, chuẩn bị đội ngũ kế thừa cho tương lai.

- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Chính sách đào tạo: con người là nhân tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp, chính vì vậy, sau cổ phần hóa, Công ty sẽ lên kế hoạch tái đào tạo lại lao động nhằm phù hợp với những yêu cầu và đòi hỏi cho vị trí làm việc mới. Bên cạnh đó, trong dài hạn, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn cho người lao động trong công tác vận hành máy móc hiện đại, năng lực quản lý Cảng cho các cán bộ điều hành.

- Chính sách đãi ngộ: đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho các CBCNV, đảm bảo tính công bằng, công khai trong cơ chế lương thưởng, gắn chặt mức thu nhập với hiệu quả và chất lượng làm việc, các chương trình bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm y tế cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Trên cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, những chính sách đãi ngộ phổ biến tại các công ty cổ phần hiện nay như chương trình phát hành cổ phiếu giá ưu đãi - cổ phiếu thưởng cho cán bộ công



nhân viên có thể được đưa ra xem xét tạo động lực, khuyến khích tinh thần làm việc cho người lao động.

2.5.3.5.- Giải pháp tài chính

Thi hành các chính sách tiết kiệm chi phí, hạ giá thành dịch vụ nhằm tăng tính cạnh tranh và tăng lợi nhuận cho Công ty, tận dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có, hạn chế tối đa việc đi vay, quản lý chặt chẽ các chính sách công nợ, thu hồi vốn giảm thiểu rủi ro hoạt động cho Công ty.

Đối với các khoản nợ hiện tại, khoan nợ trong vòng 3 năm không tính lãi nhằm giảm áp lực tài chính, sau khi tình hình tài chính Công ty đi vào ổn định thì sẽ thực hiện trả dần theo lộ trình.

2.5.3.6.- Giải pháp Marketing

- Công ty đã và đang thực hiện công tác nghiên cứu thị trường, xác định khách hàng mục tiêu, thị trường mục tiêu, đối thủ cạnh tranh, xác định thị phần, điểm mạnh, điểm yếu của công ty và các đối thủ cạnh tranh. Từ đó đưa ra các giải pháp thực hiện trước mắt và lâu dài.

- Áp dụng các chính sách về kế hoạch tiếp thị, chính sách về giá hợp lý, linh hoạt, chất lượng cung ứng dịch vụ, phân khúc thị trường, bố trí nhân lực, phương tiện phù hợp (Giữa các đơn vị thành viên: Cái Cui, Hoàng Diệu, Vàm Cái Sắn, Trà Vinh, Kiên Giang).

- Tăng cường các mối quan hệ với các đối tác, khách hàng, đại lý tàu, hãng tàu, các cơ quan ban ngành.

- Thực hiện quảng bá thương hiệu của Cảng qua các phương tiện truyền thông, truyền hình. Tham gia các hội thảo chuyên ngành trong nước và quốc tế.

- Ngoài ra, Công ty còn tham gia các công tác xã hội, hỗ trợ các đối tượng chính sách nhằm thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

2.5.3.7.- Giải pháp về công nghệ

- Thay thế dần các thiết bị cũ, đã và đang xuống cấp. Đầu tư, trang thiết bị hiện đại đổi mới công nghệ để tăng năng suất kinh doanh.

- Nghiên cứu đầu tư các trang thiết bị và các giải pháp quản lý nhằm tiết kiệm tối đa tiêu hao năng lượng tại các kho hàng, văn phòng, nhất là nhiên liệu trong quá trình hoạt động của các phương tiện cơ giới bốc xếp.

- Đầu tư hệ thống bốc xếp hiện đại như băng truyền, hệ thống hút hàng từ hầm tàu để nâng cao năng suất bốc xếp hàng hóa: hàng bao và hàng rời.



- Kêu gọi đầu tư, trang bị hệ thống soi chiếu hàng hóa tiên tiến đáp ứng yêu cầu kiểm soát an ninh hàng hóa xuất nhập khẩu tại cảng trước khi vận chuyển ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào trong nước.

- Áp dụng các giải pháp công nghệ hiện đại, tiện ích, thân thiện với môi trường và an toàn với người lao động tại các kho hàng của cảng nhằm cung cấp dịch vụ lưu trữ, bảo quản, chuyên tải, phân phối hàng hóa tốt nhất cho doanh nghiệp.

- Xây dựng mô hình quản lý, điều hành điện tử (sử dụng mạng nội bộ và liên hệ qua mạng điện tử). Khai thác triệt để mạng internet, sử dụng email để liên lạc, giao tiếp giữa các phòng ban, chi nhánh, nâng cao năng lực quản trị điều hành của Công ty.

- Tuyển dụng nhân sự giỏi về lĩnh vực công nghệ thông tin để tái cấu trúc trang web hiện hữu, ứng dụng thương mại điện tử vào kinh doanh.

PHẦN IX. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề nghị Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam phê duyệt Phương án cổ phần hóa, cơ cấu chào bán cổ phần cho CBCNV và chào bán đấu giá lần đầu ra công chúng cho nhà đầu tư (IPO) như nội dung đề cập trong phương án để nhanh chóng hoàn tất quá trình cổ phần hóa, giúp Công ty sớm ổn định mô hình tổ chức để phát triển kinh doanh.

- Bên cạnh đó, Công ty kiến nghị với UBND Thành phố Cần Thơ xem xét khoan khoản nợ 32 tỷ và không tính lãi. Trong điều kiện thuận lợi, Công ty sẽ cố gắng hoàn trả khoản nợ gốc trong thời hạn 05 năm sau cổ phần hóa.

- Phương án cổ phần hóa này đã được thông qua tại Hội nghị người lao động bất thường ngày 04/10/2014 và Hội nghị người lao động bất thường (lần 2) Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ ngày 10/11/2014.

CÔNG TY TNHH MTV CẢNG CẦN THƠ
TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN THÀNH TIẾN